

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

**ĐỀ TÀI
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM KHẮC PHỤC
NHỮNG TỒN TẠI TRONG CÔNG TÁC KÊ KHAI
VÀ HOÀN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI
CÔNG TY TNHH AN THÁI**

Chủ nhiệm đề tài: Phạm Thị Hải Yến – Lớp QT1405K

HẢI PHÒNG - 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM KHẮC PHỤC
NHỮNG TỒN TẠI TRONG CÔNG TÁC KÊ KHAI
VÀ HOÀN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI
CÔNG TY TNHH AN THÁI**

CHUYÊN NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

**Chủ nhiệm đề tài: Phạm Thị Hải Yến – Lớp QT1405K
Giảng viên hướng dẫn: Ths. Nguyễn Văn Thụ**

HẢI PHÒNG - 2014

LỜI CAM ĐOAN

Tên em là: Phạm Thị Hải Yến

Sinh viên lớp: QT1405K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán.

Khoa: Quản trị kinh doanh

Trường : Đại học Dân lập Hải Phòng.

Em xin cam đoan như sau :

1. Những số liệu, tài liệu trong báo cáo được thu thập một cách trung thực
2. Các kết quả của báo cáo chưa có ai nghiên cứu, công bố và chưa từng được áp dụng vào thực tế.

Vậy em xin cam đoan những nội dung trình bày trên chính xác và trung thực. Nếu có sai sót em xin chịu trách nhiệm trước Khoa quản trị kinh doanh và trường Đại học Dân lập Hải Phòng.

Hải Phòng, ngày 25 tháng 07 năm 2014

Người cam đoan

Phạm Thị Hải Yến

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành đề tài nghiên cứu này, em xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến: Các thầy giáo, cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân lập Hải Phòng đã tận tình truyền đạt những kiến thức nền tảng cơ sở, kiến thức chuyên sâu về Kế toán - Kiểm toán và cả những kinh nghiệm thực tiễn quý báu thực sự hữu ích cho em trong quá trình thực tập và sau này.

Thầy giáo, Th.s Nguyễn Văn Thụ đã hết lòng hỗ trợ em từ khâu chọn đề tài, cách thức tiếp cận thực tiễn tại đơn vị thực tập cho đến khi hoàn thành đề tài.

Các cô, chú, anh, chị cán bộ làm việc tại Công ty TNHH AN Thái đã tạo điều kiện cho em được thực tập tại Phòng Kế toán Công ty.

Mặc dù đã cố gắng nghiên cứu lý luận, tìm hiểu thực trạng kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH An Thái nhằm đưa ra biện pháp hữu ích, có khả năng áp dụng với điều kiện hoạt động của Công ty, song do thời gian và trình độ còn hạn chế nên trong quá trình hoàn thành đề tài không thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu và chỉ bảo của thầy cô và các bạn để bài viết được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa, em xin chân thành cảm ơn thầy giáo, Th.s Nguyễn Văn Thụ và các cô, chú, anh, chị cán bộ Phòng Kế toán Công ty TNHH An Thái đã nhiệt tình hướng dẫn, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh và Nhà trường đã tạo điều kiện giúp em hoàn thành đề tài nghiên cứu này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải phòng, ngày 25 tháng 07 năm 2014

Sinh viên

Phạm Thị Hải Yến

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| Lời mở đầu | 1 |
| Chương 1: Những vấn đề cơ bản về kế toán thuế GTGT trong doanh nghiệp | 3 |
| 1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán thuế GTGT trong doanh nghiệp | 3 |
| 1.1.1. Khái niệm | 3 |
| 1.1.2. Đặc điểm của thuế GTGT | 3 |
| 1.1.3. Vai trò của kế toán thuế GTGT | 3 |
| 1.2. Các quy định về thuế GTGT trong doanh nghiệp | 5 |
| 1.2.1 Đối tượng chịu thuế GTGT | 5 |
| 1.2.2 Đối tượng nộp thuế GTGT | 5 |
| 1.2.3 Căn cứ tính thuế GTGT | 5 |
| 1.2.4. Phương pháp tính thuế GTGT | 10 |
| 1.3. Nội dung công tác thuế GTGT trong doanh nghiệp | 11 |
| 1.3.1. Kế toán thuế GTGT đầu vào | 11 |
| 1.3.2. Kế toán thuế GTGT đầu ra phải nộp | 14 |
| 1.3. Kế khai, nộp thuế và hoàn thuế GTGT | 16 |
| 1.4.1. Kế khai thuế GTGT | 16 |
| 1.4.2. Nộp thuế GTGT | 17 |
| 1.4.3. Hoàn thuế GTGT | 18 |
| Chương 2: Thực trạng công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty TNHH An Thái | 20 |
| 2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH An Thái | 20 |
| 2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển | 20 |
| 2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh | 2 |
| 2.1.3. Tình hình tổ chức bộ máy quản lý của Công ty | 21 |
| 2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty | 22 |
| 2.2. Thực trạng công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty TNHH An Thái | 26 |
| 2.2.1. Các mức thuế suất thuế GTGT áp dụng tại Công ty | 26 |
| 2.2.2. Kế toán tổng hợp thuế GTGT | 27 |
| 2.2.2.1 Kế toán thuế GTGT đầu vào | 27 |
| 2.2.2.2 Kế toán thuế GTGT đầu ra phải nộp | 37 |
| 2.3 Kế khai thuế GTGT tại Công ty | 47 |

| | |
|--|-----------|
| Chương 3: Một số biện pháp nhằm khắc phục những tồn tại trong công tác kê khai và hoàn thuế GTGT tại Công ty TNHH An Thái | 58 |
| 3.1 Nhận xét chung về công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty | 58 |
| 3.1.1 Ưu điểm | 58 |
| 3.1.2 Hạn chế điểm | 59 |
| 3.2 Một số biện pháp nhằm khắc phục những tồn tại trong công tác kê khai và hoàn thuế GTGT tại Công ty TNHH An Thái | 60 |
| Kết luận và kiến nghị | 63 |

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thuế ra đời và tồn tại và phát triển cùng sự hình thành và phát triển của Nhà nước là một vấn đề hết sức quan trọng đối với bất cứ quốc gia nào trên thế giới, từ những nước phát triển cũng như các nước đang phát triển.

Là một công ty chủ yếu về thương mại, hoạt động mua bán diễn ra nhiều, trong những năm vừa qua, hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH An Thái đã đạt hiệu quả. Bên cạnh đó là công tác kế toán của Công ty luôn cố gắng tuân thủ đúng quy định của Bộ tài chính, đặc biệt trong kế toán về thuế nói chung và thuế GTGT nói riêng, khi có bất kỳ sự sửa đổi nào về luật thuế GTGT Công ty đều thực hiện đúng theo thông tư hướng dẫn và làm theo các hướng dẫn mới nhất của cơ quan thuế. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm đạt được, công tác kế toán thuế của Công ty vẫn còn một số hạn chế như cách sắp xếp bộ máy kế toán, việc tổ chức, sử dụng chứng từ, sổ sách và cách quản lý sử dụng chi phí hợp lý, cần phải khắc phục để công tác kế toán của Công ty ngày càng hoàn thiện, đồng thời giúp cho việc thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân sách nhà nước của Công ty được tốt hơn. . Vì vậy, vấn đề đặt ra đối với Công ty lúc này là phải làm thế nào để có thể kê khai được các khoản thuế giá trị gia tăng đầu ra, đầu vào chính xác, đầy đủ cũng như công tác hoàn thuế kịp thời đảm bảo vốn cho doanh nghiệp?. Để giải quyết được vấn đề này Công ty cần xây dựng cho mình quy trình ghi chép, kê khai chính xác, phù hợp với doanh nghiệp nhưng phải đảm bảo phù hợp với chế độ chuẩn mực kế toán của Nhà nước. Vì vậy, việc tìm ra giải pháp nhằm khắc phục những tồn tại trong công tác kê khai và hoàn thuế giá trị gia tăng tại đơn vị là điều cần thiết

Nhận thức được tầm quan trọng đó, sau quá trình thực tập tại Công ty TNHH An Thái, được tìm hiểu thực tiễn công tác kế toán tại Công ty, đi sâu nghiên cứu công tác kế toán thuế mà cụ thể là thuế GTGT kết hợp với kiến thức đã học tại trường và sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo **Th.s Nguyễn Văn Thụ**, em đã

chọn đề tài “*Một số biện pháp nhằm khắc phục những tồn tại trong công tác kê khai và hoàn thuế GTGT tại Công ty TNHH An Thái*” làm đề tài nghiên cứu khoa học cho mình.

2. Mục đích nghiên cứu.

- Hệ thống hóa lý luận chung về kế toán thuế GTGT trong doanh nghiệp.
- Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty TNHH An Thái.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm khắc phục những tồn tại trong công tác kê khai và hoàn thuế GTGT tại Công ty TNHH An Thái.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty TNHH An Thái.

Phạm vi nghiên cứu:

- Về không gian: tại công ty TNHH An Thái.
- Về thời gian: từ ngày 10/04/2014 đến ngày 31/07/2014.
- Về dữ liệu nghiên cứu: được thu thập vào quý IV năm 2013 từ phòng kế toán của công ty TNHH An Thái.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp tổng hợp được sử dụng để tổng hợp các kiến thức, thông tin, số liệu phục vụ đề tài.
- Phương pháp phân tích được sử dụng để thực hiện việc phân tích số liệu thu thập được nhằm rút ra được các kết luận phục vụ mục tiêu đề tài.
- Phương pháp chuyên gia: tham khảo, hỏi ý kiến chuyên gia về vấn đề cần tìm hiểu của đề tài, về các kết quả của đề tài.

5. Kết cấu đề tài

Kết cấu của đề tài gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề cơ bản về kế toán thuế GTGT trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty TNHH An Thái.

Chương 3: Một số biện pháp nhằm khắc phục những tồn tại trong công tác kê khai và hoàn thuế giá trị gia tăng tại Công ty TNHH AN Thái.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Những vấn đề chung về công tác kế toán thuế giá trị gia tăng trong doanh nghiệp

1.1.1 Khái niệm

Giá trị gia tăng (GTGT) là phần giá trị chênh lệch giữa hàng hóa bán ra và những giá trị những thứ để làm ra hàng hóa đó (*Văn phòng Quốc hội, 1997*) [4].

$$\text{Giá trị gia tăng} = \text{Giá đầu ra} - \text{Giá đầu vào}$$

Thuế GTGT là loại thuế gián thu tính trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ khâu sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

Thuế GTGT tính trên giá bán chưa có thuế GTGT. Người sản xuất, cung ứng hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm thu và nộp hộ người tiêu dùng. Người tiêu dùng mua sản phẩm với giá đã có thuế GTGT, vì vậy người tiêu dùng chính là người chịu khoản thuế này.

1.1.2 Đặc điểm của Thuế GTGT

- Thuế GTGT là thuế gián thu, một yếu tố cấu thành trong giá cả hàng hóa, dịch vụ nhằm động viên một phần thu nhập thông qua sự đóng góp của người tiêu dùng. Nhà sản xuất kinh doanh và cung ứng dịch vụ chỉ là người nộp hộ.

- Thuế GTGT đánh vào tất cả các giai đoạn của quá trình sản xuất – kinh doanh nhưng chỉ tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ ở mỗi giai đoạn luân chuyển.

- Thuế GTGT có tính trung lập kinh tế cao

- Thuế GTGT có phạm vi điều chỉnh rộng, áp dụng cho tất cả các loại hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nước, đối với mọi tổ chức cá nhân thuộc lĩnh vực sản xuất kinh doanh hàng hóa và cung ứng dịch vụ.

- Thuế GTGT có tính lãnh thổ rõ rệt.

1.1.3 Vai trò của thuế GTGT

Thuế GTGT là nguồn thu chủ yếu của Ngân sách nhà nước

Thuế GTGT là công cụ tập trung, huy động đầy đủ, kịp thời nguồn thu cho Ngân sách Nhà nước. Thuế GTGT tập trung thu ngay từ khâu đầu (sản xuất và nhập khẩu) nên đảm bảo nguồn thu và đảm bảo huy động kịp thời cho ngân sách Nhà nước. Việc khấu trừ thuế GTGT được thực hiện căn cứ trên hóa đơn mua hàng

thúc đẩy người mua phải đòi hỏi người bán xuất hóa đơn, ghi đúng doanh thu với giá trị thực của hoạt động mua bán, góp phần khắc phục được tình trạng thông đồng giữa người mua và người bán để trốn lậu thuế, giảm thất thu cho ngân sách Nhà nước.

Thuế GTGT là công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô và vi mô của nền kinh tế

- Thuế GTGT điều tiết sản xuất và tiêu dùng. Luật thuế GTGT quy định đánh thuế hoặc không đánh thuế, đánh thuế với thuế suất cao hay thấp vào các mặt hàng cụ thể, thông qua đó mà tác động và làm thay đổi mối quan hệ giữa cung và cầu trên thị trường, tác động tới việc lựa chọn những hàng hóa, dịch vụ để sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng nhằm góp phần thực hiện điều tiết vĩ mô nền kinh tế.

- Thuế GTGT khuyến khích hoạt động đầu tư mở rộng sản xuất. Trong hoạt động đầu tư tài sản cố định, toàn bộ số thuế GTGT mà doanh nghiệp phải trả khi mua sắm tài sản cố định sẽ được Nhà nước cho khấu trừ và hoàn lại. Còn khi nhập khẩu máy móc thiết bị, phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây chuyền công nghệ và vật tư xây dựng thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định cho doanh nghiệp thì doanh nghiệp cũng không phải nộp thuế GTGT.

- Thuế GTGT khuyến khích xuất khẩu và hạn chế nhập khẩu, góp phần bảo hộ sản xuất trong nước.

- Thuế GTGT góp phần điều tiết thu nhập, thực hiện công bằng xã hội trong phân phối. Thuế GTGT áp dụng thuế suất cao với các loại hàng hóa, dịch vụ cao cấp mà chỉ những người có thu nhập cao mới sử dụng hoặc sử dụng nhiều, còn đối với các hàng hóa thông thường hoặc có tính chất thiết yếu thì thuế GTGT quy định mức thuế thấp hơn, thông qua điều tiết một phần thu của họ.

- Thuế GTGT khuyến khích tăng hiệu quả sản xuất. Trong nền kinh tế thị trường, giá cả hàng hóa được bán ra phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố cung cầu, nó phải được người tiêu dùng chấp nhận, người sản xuất khó có thể thay đổi giá cả theo ý muốn của mình. Do đó việc Nhà nước đánh thuế sẽ giảm doanh thu thuần của doanh nghiệp nếu doanh nghiệp không cố gắng nâng cao hiệu quả sản xuất để giảm bớt chi phí. Điều đó đã thúc đẩy các doanh nghiệp phải luôn luôn cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất, thúc đẩy nền sản xuất phát triển.

- Thuế GTGT thúc đẩy các doanh nghiệp thực hiện chế độ hạch toán, kế toán, phát triển quan hệ thanh toán. Việc doanh nghiệp được phép khấu trừ thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào cùng việc thực hiện hoàn thuế GTGT của

Nhà nước đã khuyến khích các doanh nghiệp tự giác ghi chép, quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ, thúc đẩy việc hoàn thiện công tác hạch toán, kế toán tại đơn vị.

Thuế GTGT là công cụ kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Vai trò này hình thành ngay trong quá trình tổ chức thực hiện luật thuế GTGT. Để thu được thuế và đảm bảo thực hiện đúng luật thuế, cơ quan thuế và các cơ quan hữu quan phải bằng mọi biện pháp nắm vững số lượng, quy mô và tình hình hoạt động của các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Từ đó mà cơ quan thuế sẽ phát hiện ra những việc làm sai trái, vi phạm pháp luật của các cá nhân, tổ chức sản xuất, kinh doanh cũng như phát hiện ra những khó khăn mà cơ sở gặp phải để giúp đỡ họ tìm biện pháp tháo gỡ. Thuế GTGT còn thúc đẩy mua bán hàng hóa sử dụng hóa đơn, chứng từ hợp lệ tạo điều kiện thuận lợi cho kiểm tra, kiểm soát toàn diện các mặt hoạt động của cơ sở kinh tế, đảm bảo thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước.

1.2 Các quy định về thuế giá trị gia tăng trong doanh nghiệp

1.2.1 Đối tượng chịu thuế GTGT

Luật thuế GTGT quy định tất cả các hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam là đối tượng chịu thuế GTGT trừ đối tượng không chịu thuế theo quy định (*Văn phòng Quốc hội, 1997*) [4].

Đối tượng không chịu thuế GTGT bao gồm 25 nhóm mặt hàng, dịch vụ:

Có 25 loại hàng hoá dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT được phân làm 4 nhóm sau (*Văn phòng Quốc hội, 2013*) [6].:

- Nhóm 1: Hàng hoá dịch vụ thiết yếu phục vụ nhu cầu của cộng đồng.
- Nhóm 2: Hàng hoá dịch vụ đang khuyến khích hoặc cần được khuyến khích.
- Nhóm 3: Đối tượng nộp thuế chuyên quyền sử dụng đất.
- Nhóm 4: Khoáng sản khai thác chưa chế biến đem xuất khẩu

1.2.2 Đối tượng nộp thuế GTGT

Người nộp thuế giá trị gia tăng là tổ chức cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT ở Việt Nam, không phân biệt ngành nghề, hình thức, tổ chức kinh doanh và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa, mua dịch vụ từ nước ngoài chịu thuế GTGT (*Văn phòng Quốc hội, 1997*) [4].

1.2.3 Căn cứ tính thuế GTGT

Căn cứ tính thuế giá trị gia tăng là giá tính thuế và thuế suất thuế GTGT

1.2.3.1 Giá tính thuế

Giá tính thuế của các hàng hóa, dịch vụ được xác định cụ thể như sau:

(1) Đối với hàng hóa, dịch vụ do cơ sở sản xuất, kinh doanh bán ra là giá bán chưa có thuế GTGT. Đối với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt thì giá bán đã có thuế tiêu thụ đặc biệt mà chưa có thuế GTGT.

(2) Đối với hàng hóa nhập khẩu là giá nhập tại cửa khẩu cộng thuế nhập khẩu (nếu có), cộng thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có). Giá nhập tại cửa khẩu được xác định theo quy định về giá tính thuế hàng nhập khẩu.

(3) Đối với hàng hóa, dịch vụ để trao đổi, tiêu thụ nội bộ, biếu, tặng, cho thì giá tính thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh hoạt động này.

(4) Đối với hoạt động thuê tài sản là số tiền cho thuê chưa có thuế GTGT.

Trường hợp cho thuê theo hình thức trả tiền thuê từng kỳ hoặc trả trước tiền thuê cho một thời hạn thuê thì giá tính thuế là tiền cho thuê trả từng kỳ hoặc trả trước thời hạn thuê chưa có thuế GTGT.

Trường hợp thuê máy móc thiết bị, phương tiện vận tải của nước ngoài loại trong nước chưa sản xuất được để cho thuê lại, giá tính thuế được trừ giá thuê phải trả cho nước ngoài

(5) Đối với hàng hóa bán theo phương thức trả góp, trả chậm là giá tính theo giá bán trả một lần chưa có thuế GTGT của hàng hóa đó, không bao gồm khoản lãi trả chậm, trả góp.

(6) Đối với gia công hàng hóa là giá gia công chưa có thuế GTGT.

(7) Đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt là giá trị công trình, hạng mục công trình hay phần công việc thực hiện bàn giao chưa có thuế GTGT.

(8) Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản là giá bán bất động sản chưa có thuế GTGT, trừ giá chuyển quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp ngân sách nhà nước.

(9) Đối với hoạt động đại lý môi giới mua bán hàng hóa và dịch vụ hưởng hoa hồng thì tiền hoa hồng thu được từ các hoạt động này chưa có thuế GTGT.

(10) Đối với hàng hóa, dịch vụ được sử dụng chứng từ thanh toán ghi giá thanh toán đã có thuế GTGT thì giá tính thuế xác định theo công thức sau:

$$\text{Giá chưa có thuế GTGT} = \frac{\text{Giá thanh toán}}{1 + \text{thuế suất của hàng hóa, dịch vụ đó (\%)}}$$

(11) Đối với điện các nhà máy thủy điện hạch toán phụ thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam, giá tính thuế GTGT để xác định số thuế GTGT nộp tại địa phương nơi có nhà máy được tính bằng 60% giá bán điện thương phẩm bình quân năm trước chưa bao gồm thuế GTGT.

(12) Đối với dịch vụ casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí có đặt cược, là số tiền thu từ hoạt động này đã bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt trừ số tiền đã trả thưởng cho khách

$$\text{Giá tính thuế} = \frac{\text{Số tiền thu được}}{1 + \text{thuế suất}}$$

(13) Đối với vận tải, bốc xếp là giá cước vận tải, bốc xếp chưa có thuế GTGT, không phân biệt cơ sở trực tiếp vận tải, bốc xếp hay thuê lại.

(14) Đối với dịch vụ du lịch theo hình thức lữ hành, hợp đồng ký với khách hàng trọn gói (ăn, ở, đi lại) thì giá trọn gói được xác định là giá đã có thuế GTGT.

(15) Đối với dịch vụ cầm đồ, giá tính thuế là tiền phải thu từ dịch vụ này bao gồm tiền lãi phải thu từ cho vay cầm đồ, các khoản thu khác phát sinh từ việc bán hàng cầm đồ(nếu có).

(16) Đối với sách chịu thuế GTGT bán theo đúng giá phát hành(giá bìa) theo quy định luật xuất bản, thì giá bán đó đã xác định là có thuế GTGT. Các trường hợp bán không theo giá bìa thì thuế GTGT tính theo giá bán ra.

(17) Đối với hoạt động in, giá tính thuế là tiền công in. Trường hợp cơ sở in thực hiện hợp đồng in, giá thanh toán bao gồm cả tiền công in và giấy in thì giá tính thuế bao gồm cả tiền giấy.

(18) Đối với dịch vụ đại lý giám định, đại lý xét bồi thường 100% hưởng tiền công hoặc tiền hoa hồng thì giá tính thuế GTGT là tiền công hoặc tiền hoa hồng được hưởng (chưa trừ một khoản phí tổn nào) mà doanh nghiệp bảo hiểm thu được, chưa có thuế GTGT.

** Thời điểm xác định thuế GTGT:*

+ Đối với hàng hóa là thời điểm chuyển quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

+ Đối với dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

+ Đối với hoạt động cung ứng điện, nước sạch thì ngày ghi chỉ số điện, nước tiêu thụ trên đồng hồ để ghi hóa đơn tính tiền.

+ Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, chuyên nhượng hoặc cho thuê, là thời điểm thu tiền theo tiến độ thực hiện dự án hoặc tiến độ thu tiền ghi trong hợp đồng.

+ Đối với xây dựng và lắp đặt thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành, không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu được tiền.

+ Đối với hàng nhập khẩu là thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.

1.2.3.2 Thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng trong doanh nghiệp.

Theo luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT ngày 10/05/1997 được Quốc hội khóa XI thông qua ngày 19/06/2003 và có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2004 quy định ba mức thuế suất là 0%, 5%, 10% và ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã thông qua Luật số 31/2013 QH13 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng. Luật Thuế giá trị gia tăng (GTGT) sửa đổi, bổ sung lần này có một số nội dung sửa đổi, bổ sung đáng chú ý. Luật này có hiệu lực thi hành từ 01/01/2014 được áp dụng cụ thể như sau (*Văn phòng Quốc hội, 2008, 2013*) [5+6]:

1. Thuế suất 0% áp dụng đối với

- Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu bao gồm cả hàng gia công xuất khẩu, kể cả hàng hóa, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT xuất khẩu (trừ các trường hợp sau: vận tải quốc tế, hàng hóa, dịch vụ cung ứng trực tiếp cho vận tải quốc tế, dịch vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài, dịch vụ tín dụng, đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán ra nước ngoài và sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên khoáng sản khai thác chưa qua chế biến do Chính phủ quy định).

- Các trường hợp hàng hóa đưa ra nước ngoài để bán tại hội chợ triển lãm, giới thiệu sản phẩm, ủy thác gia công xuất khẩu, hàng hóa bán cho nước ngoài nhưng giao hàng tại Việt Nam theo quy định của phía nước ngoài nếu có đủ nếu có đủ các căn cứ xác định hàng xuất khẩu cũng được áp dụng thuế suất 0%

- Sửa chữa máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, cung ứng dịch vụ phần mềm cho nước ngoài, cho doanh nghiệp chế xuất, dịch vụ xuất khẩu lao động, xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài và của doanh nghiệp chế xuất.

2. Thuế suất 5% áp dụng đối với

- Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt (trừ nước sạch do các tổ chức, cá nhân tự khai thác để tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp ở nông thôn, miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa.

- Phân bón, quặng để sản xuất phân bón, thuốc trừ sâu bệnh và chất kích thích tăng trưởng vật nuôi, cây trồng bao gồm phân hữu cơ và phân vô cơ như phân lân, phân NPK, phân đạm hỗn hợp, phân photphát, bột tạt, phân vô sinh.

+ Quặng làm nguyên liệu để sản xuất ra phân bón như quặng Apatit dùng để sản xuất phân lân, đất bùn dùng làm phân vi sinh,...

+ Các loại thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, diệt chuột, mối, côn trùng, thuốc trừ nấm, trừ cỏ, thuốc hạn chế hoặc kích thích tăng trưởng vật nuôi, cây trồng điều hòa sự phát triển của thực vật,...

- Thiết bị và dụng cụ y tế, máy móc, dụng cụ chuyên dùng y tế như máy soi, máy chiếu, máy chụp dùng để khám chữa bệnh, các thiết bị dùng để mổ, điều trị vết thương, ô tô cứu thương, dụng cụ đo huyết áp, tim mạch, truyền máu, bông, băng vệ sinh y tế, thuốc chữa bệnh, phòng bệnh, sản phẩm hóa dược, dược liệu là nguyên liệu sản xuất thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh.

- Giáo cụ dùng để giảng dạy và học tập bao gồm các loại giáo cụ trực quan(mô hình, hình vẽ), thước kẻ, bảng phấn,.....

- In các loại sản phẩm báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành, sách chính trị, sách giáo khoa, giáo trình, sách văn bản pháp luật, sách khoa học lý thuật, sách in bằng chữ dân tộc thiểu số và tranh, ảnh, áp phích tuyên truyền cổ động(trừ in tiền).

- Đồ chơi trẻ em, sách các loại như văn học nghệ thuật, sách phục vụ thiếu nhi, sách pháp luật,.. băng, đĩa đã ghi hoặc chưa ghi chương trình

- Kinh doanh các mặt hàng trồng trọt, sản phẩm chăn nuôi, sản phẩm nuôi trồng thủy sản chưa qua chế biến, hoặc chỉ qua sơ chế biến làm sạch, ướp đông, phơi sấy khô bao gồm cả con giống, cây trồng, hạt giống.

- Lâm sản chưa qua chế biến(trừ gỗ, măng) thực phẩm tươi sống và lương thực. Lâm sản chưa qua chế biến loại lâm sản khai thác từ rừng tự nhiên như song, mây, nứa, nấm, mộc nhĩ, cây làm thuốc, lá, hoa và các lâm sản khác.

Thực phẩm tươi sống là loại thực phẩm chưa qua chế biến hoặc chỉ sơ chế thông thường. Lương thực bao gồm thóc, gạo, ngô, khoai, sắn,...

- Sản phẩm bằng đay, cói, tre, nứa, lá.

- Bông sơ chế từ bông trồng trong nước.

- Dịch vụ khoa học kỹ thuật

- Dịch vụ trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Đường phụ phẩm trong sản xuất bê tông công nghiệp gồm dầm cầu bê tông, dầm và khung nhà bê tông, cọc bê tông, cột điện bê tông, ống cống tròn bê tông,

hộp bê tông các loại, pa-nen và các loại cấu kiện bê tông cốt thép đúc sẵn phi tiêu chuẩn, bê tông thương phẩm, lớp và bộ sấm lớp cỡ từ 900-2000 trở lên, ống thủy tinh trung tính.

- Sản phẩm luyện, cán, kéo kim loại đen, kim loại màu, kim loại quý (trừ vàng nhập khẩu).

- Dây tu, sửa chữa, phục chế di tích lịch sử văn hóa, bảo tàng.

- Xử lý dữ liệu tự động và các bộ phận phụ tùng xe máy.

- Hóa chất cơ bản, sản phẩm cơ khí, tư liệu sản xuất, khuôn đúc các loại, vật liệu nổ, đá mài, giấy in báo, bình bơm thuốc sâu, mũ cao su sơ chế, nhựa thông sơ chế.

- Than, đất, đá, cát, sỏi.

- Lưới, dây giềng và sợi để đan lưới đánh cá.

- Thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn vật nuôi khác bao gồm loại thức ăn hoặc chưa chế biến tổng hợp như cám bã khô lạt, bột cá, bột xương,....

- Vận tải, nạo vét luồng lạch, cảng sông, cảng biển, hoạt động trục vớt, cứu hộ.

- Phát hành chiếu phim vedio

3. Thuế suất 10% áp dụng đối với

Các loại hàng hóa, dịch vụ khác không quy định trong nhóm thuế suất 0%, 5%

1.2.4 Phương pháp tính thuế GTGT

(1) Phương pháp khấu trừ thuế

Đối tượng áp dụng: Phương pháp khấu trừ thuế áp dụng đối với cơ sở kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ và đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế, trừ các đối tượng áp dụng tính thuế theo phương pháp trực tiếp trên GTGT (Văn phòng Quốc hội, 1997) [4].

Công thức tính:

Số thuế GTGT phải nộp = Số thuế GTGT đầu ra - Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

Trong đó: Thuế GTGT đầu ra bằng tổng số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra ghi trên hóa đơn.

Thuế GTGT ghi trên hóa đơn GTGT = Giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế bán ra X Thuế suất thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ đó.

Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ bằng tổng số thuế ghi trên hóa đơn GTGT của hàng hóa, dịch vụ (bao gồm cả tài sản cố định) dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT của doanh nghiệp, số thuế GTGT ghi trên chứng từ của hàng hóa nhập khẩu hoặc chứng từ nộp thay cho phía nước ngoài.

Việc xác định thuế GTGT đầu vào được khấu trừ phải tuân theo quy định của Luật thuế GTGT

(2) *Phương pháp tính thuế trực tiếp trên giá trị gia tăng*

- Đối tượng áp dụng:
 - + Cá nhân, hộ kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.
 - + Tổ chức cá nhân nước ngoài kinh doanh không theo Luật đầu tư và các tổ chức khác không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.
 - + Hoạt động kinh doanh mua bán, vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ.

- Công thức tính

$$\text{Số thuế GTGT phải nộp} = \text{GTGT của hàng hóa, dịch vụ} \times \text{Thuế suất thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ đó}$$

Trong đó

$$\text{GTGT của hàng hóa, dịch vụ} = \text{Giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ bán ra} - \text{Giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ mua vào tương ứng.}$$

Giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ bán ra là giá thực tế bán ghi trên hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ bao gồm cả thuế GTGT và các khoản phụ thu, phí thu thêm mà bên bán được hưởng, không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu tiền.

Giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ mua vào được xác định bằng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào hoặc nhập khẩu, đã có thuế GTGT dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT bán ra tương ứng.

1.3 Nội dung công tác kế toán thuế giá trị gia tăng trong doanh nghiệp

1.3.1 Kế toán thuế giá trị gia tăng đầu vào

1.3.1.1 Chứng từ kế toán sử dụng

Các chứng từ sử dụng trong kế toán thuế GTGT gồm:

- Hóa đơn GTGT
- Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào
- Tờ khai thuế GTGT

1.3.1.2 Tài khoản sử dụng

Kế toán thuế GTGT sử dụng TK 133 – “Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ”

- Nội dung: Tài khoản này dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, đã khấu trừ và còn được khấu trừ

TK này có 2 TK cấp 2

- TK 1331 – Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ: Phản ánh thuế GTGT được khấu trừ của vật tư, hàng hóa, dịch vụ mua ngoài phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- TK 1332 – Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của tài sản cố định: Phản ánh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ khi mua sắm TSCĐ dùng vào hoạt động SX, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

Kết cấu:

| TK133 | |
|---|---|
| <u>SDDK</u> : Số thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ đầu kỳ - Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ phát sinh tăng trong kỳ | - Khấu trừ thuế GTGT - Hoàn thuế GTGT - Phân bổ thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ |
| <u>SDCK</u> : Số thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ cuối kỳ | |

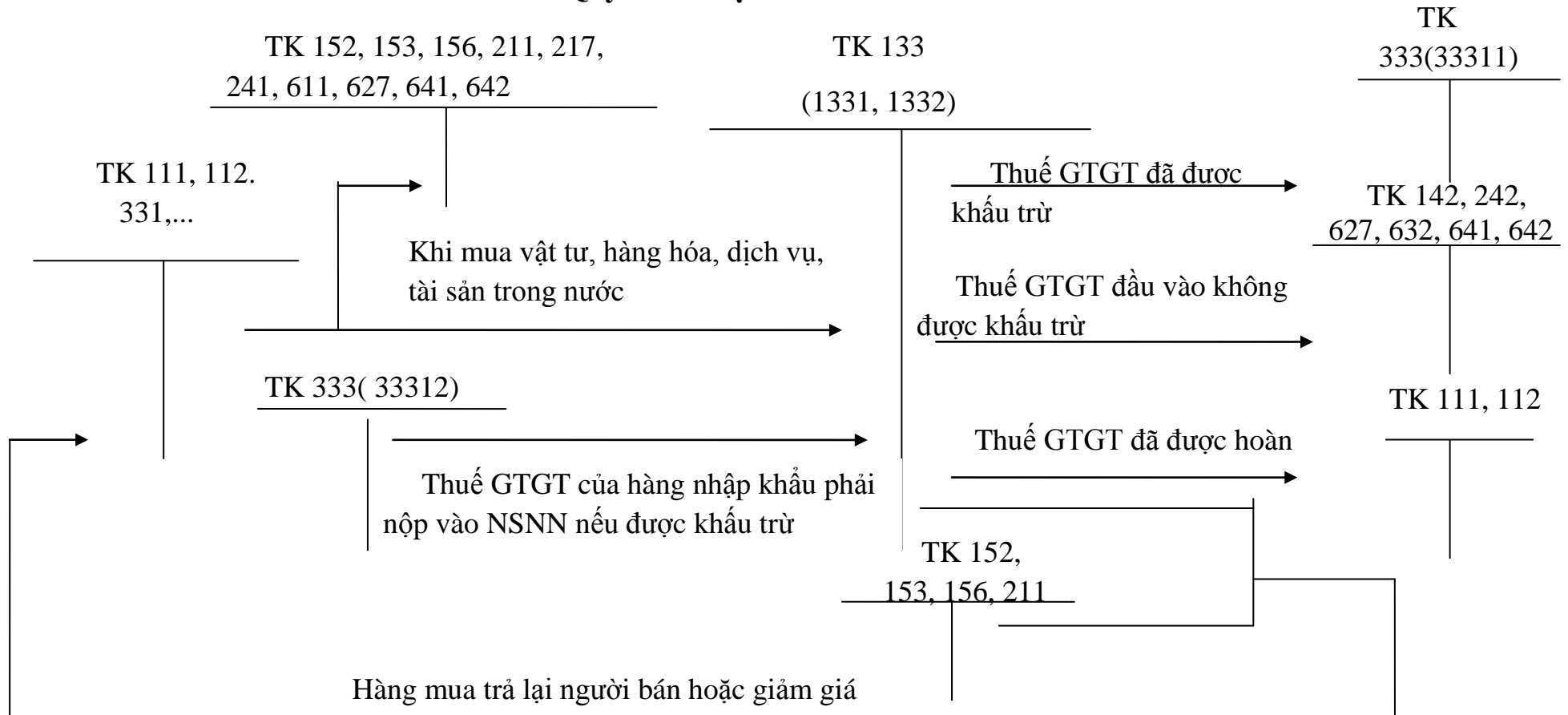
(Bộ tài chính, 2009) [1]

Quy trình hạch toán

Đối với đơn vị nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

* Hạch toán thuế GTGT đầu vào:

Sơ đồ Quy trình hoạch toán thuế GTGT đầu vào



Chú ý: Căn cứ để xác định số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ là số tiền thuế GTGT ghi trên hóa đơn GTGT khi mua TSCĐ, vật tư hàng hóa, dịch vụ chứng từ nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu (đối với hàng nhập khẩu), chứng từ nộp thuế GTGT thay cho nhà thầu nước ngoài hoặc đối tượng khác theo quy định của pháp luật (trường hợp nộp hộ thuế) (*Bộ Tài Chính – 2009*) [2].

1.3.2 Kế toán thuế giá trị gia tăng đầu ra

1.3.2.1 Chứng từ kế toán sử dụng

Các chứng từ sử dụng trong kế toán thuế GTGT gồm:

- Hóa đơn GTGT
- Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra
- Tờ khai thuế GTGT

1.3.2.2 Tài khoản sử dụng

Kế toán thuế GTGT sử dụng TK 333. Trong đó TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp

- Nội dung: Dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu ra, thuế GTGT của hàng nhập khẩu phải nộp, số thuế GTGT đã được khấu trừ, đã nộp, còn phải nộp.

TK này có 2 TK cấp 2:

- TK 33311 – Thuế GTGT đầu ra : Phản ánh thuế GTGT đầu ra phải nộp hàng nội địa, số thuế GTGT đã được khấu trừ, đã nộp, còn phải nộp của hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ.
- TK 33312 – Thuế GTGT hàng nhập khẩu: Phản ánh số thuế GTGT đầu ra của hàng nhập khẩu phải nộp, đã nộp, còn phải nộp cho ngân sách Nhà nước.

Kết cấu:

| TK 3331 | |
|--|--|
| <u>SDĐK</u> : Số thuế GTGT đã nộp thừa đầu kỳ <ul style="list-style-type: none">- Khấu trừ thuế GTGT- Thuế GTGT được miễn giảm- Số thuế GTGT đã nộp NSNN | <u>SDĐK</u> : Số thuế còn phải nộp đầu kỳ <ul style="list-style-type: none">- Số thuế GTGT phải nộp trong kỳ |
| <u>SDCK</u> : Số thuế GTGT đã nộp thừa vào NSNN cuối kỳ | <u>SDCK</u> : Số thuế GTGT còn phải nộp cuối kỳ |

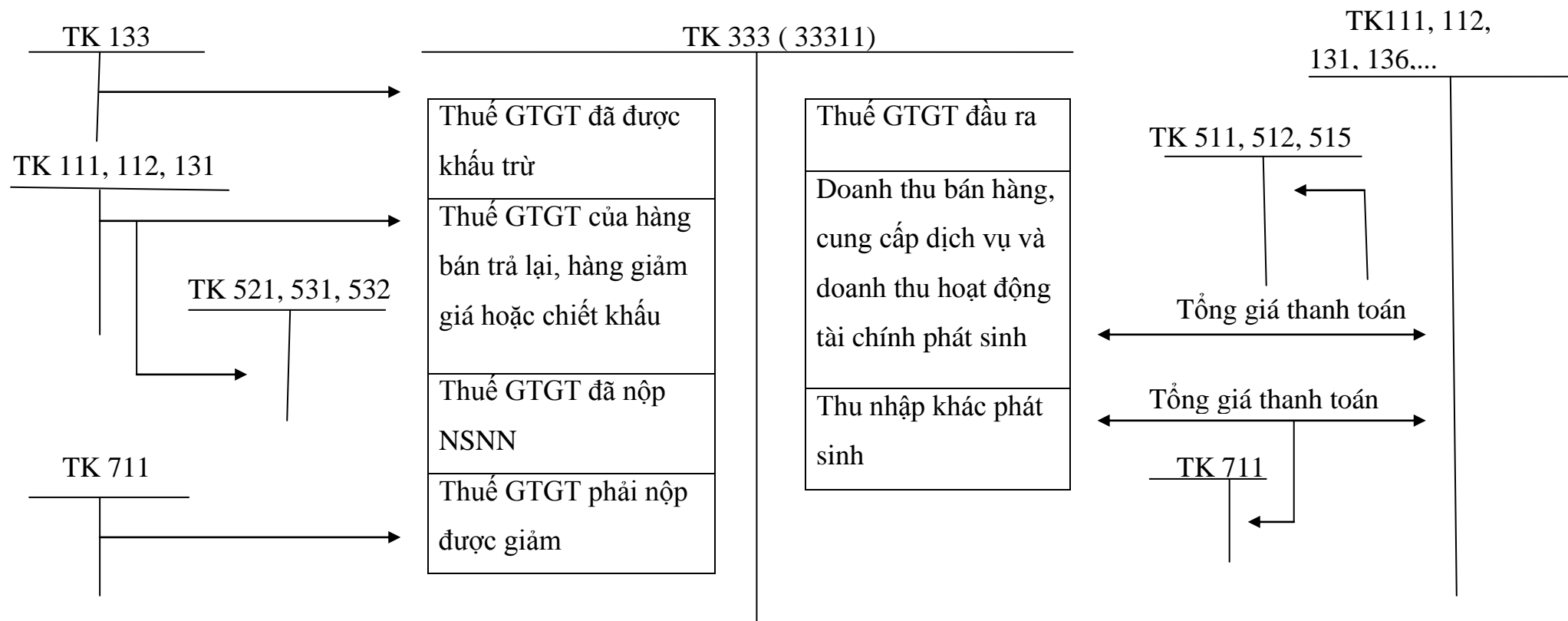
(Bộ tài chính, 2009) [1]

1.3.2.3 Quy trình hạch toán

Đối với đơn vị nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

* Hạch toán thuế GTGT đầu ra:

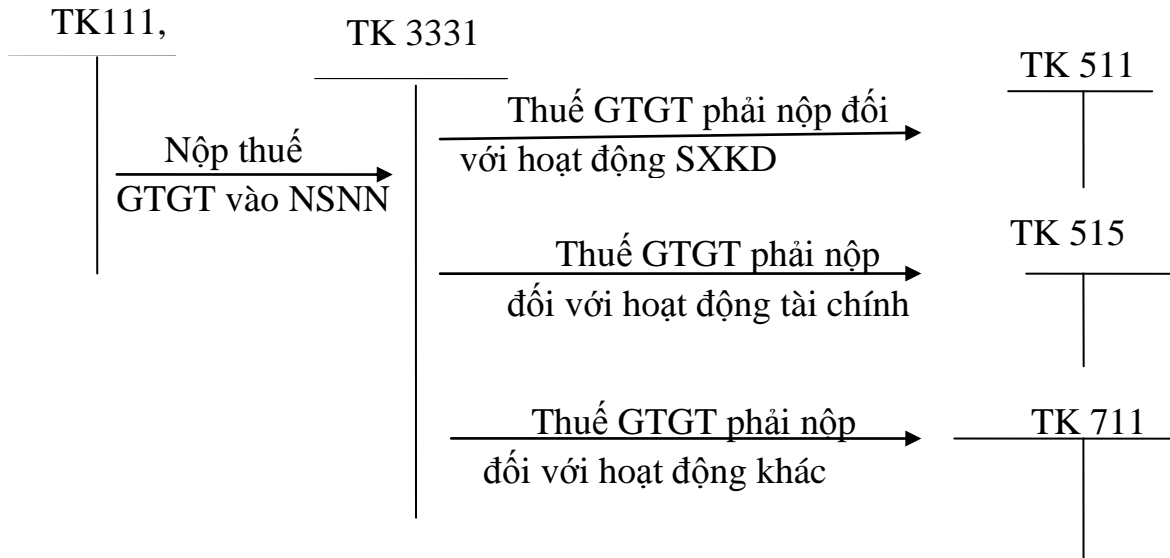
Sơ đồ Quy trình hạch toán thuế GTGT đầu ra



(Bộ Tài Chính – 2009) [2].

* Đối với đơn vị nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp

Thời điểm xác định số thuế phải nộp theo phương pháp trực tiếp vào thời điểm cuối kỳ: cuối quý, cuối năm.



Sơ đồ Quy trình hạch toán thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp

Quá trình hạch toán thực hiện tương tự như với phương pháp thuế được khấu trừ nhưng trong quá trình hạch toán thì không xuất hiện các TK 133, 3331 do đó giá trị hàng hóa phản ánh trên các TK 156, 151, 511, 512, 711 là giá đã có thuế GTGT

1.4 kê khai, nộp và hoàn thuế GTGT

1.4.1 kê khai thuế giá trị gia tăng

Xác định thuế GTGT đầu ra:

Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng tính thuế theo phương pháp khấu trừ thuế khi bán hàng hóa, dịch vụ phải tính và thu thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ đó. Khi lập hóa đơn hàng hóa, dịch vụ, cơ sở kinh doanh phải ghi rõ giá bán chưa có thuế GTGT, thuế GTGT và tổng số tiền người mua phải thanh toán.

Trường hợp hóa đơn chỉ ghi giá thanh toán (trừ trường hợp được phép dùng chứng từ đặc thù), không ghi giá chưa có thuế và thuế GTGT thì thuế GTGT của hàng hóa , dịch vụ bán ra phải tính trên giá thanh toán ghi trên hóa đơn chứng từ.

Trường hợp hóa đơn ghi sai mức thuế suất giá trị gia tăng mà cơ sở kinh doanh chưa tự điều chỉnh, cơ quan thuế kiểm tra, phát hiện thì bị xử lý như sau:

- Nếu mức thuế suất ghi trên hóa đơn > mức thuế suất quy định thì doanh nghiệp phải kê khai nộp thuế theo mức thuế suất ghi trên hóa đơn.

- Nếu mức thuế suất ghi trên hóa đơn < mức thuế suất quy định thì doanh nghiệp phải kê khai nộp thuế theo mức thuế suất quy định.

Xác định thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT, kể cả hàng hóa, dịch vụ được sản xuất hay mua vào mà doanh nghiệp sử dụng để khuyến mại, quảng cáo dưới các hình thức phục vụ sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT thì sẽ được khấu trừ toàn bộ.

Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế thì chỉ được khấu trừ thuế đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT.

+ Nếu doanh nghiệp hạch toán riêng các khoản thuế này cho hoạt động chịu thuế và không chịu thuế thì khấu trừ thuế GTGT đầu vào dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT.

+ Nếu không hạch toán riêng được thì số thuế đầu vào được khấu trừ xác định theo tỷ lệ khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

1.4.2 Nộp thuế GTGT

* Thời hạn nộp thuế: Người nộp thuế có nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ, đúng thời hạn vào ngân sách Nhà nước. Trường hợp người nộp thuế tính thuế, thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế. Trường hợp cơ quan thuế tính thuế hoặc ấn định thuế, thời hạn nộp thuế là thời hạn ghi trên thông báo của cơ quan thuế.

Đối với các cơ sở kinh doanh thực hiện nộp thuế hàng tháng theo thông báo của cơ quan thuế thì chậm nhất là ngày thứ hai mươi của tháng tiếp theo tháng phát sinh nghĩa vụ thuế.

Đối với các cơ sở kinh doanh thực hiện nộp thuế hàng quý theo thông báo của cơ quan thuế thì chậm nhất là ngày thứ ba mươi của quý tiếp quý tháng phát sinh nghĩa vụ thuế.

Đối với cơ sở kinh doanh và nhập khẩu hàng hóa phải nộp thuế GTGT theo từng đợt nhập khẩu.

* Số thuế phải nộp: Căn cứ vào số thuế trong thông báo nộp thuế của cơ quan thuế. Trong một số trường hợp nếu kỳ này cơ sở kinh doanh nộp thừa thì số thuế nộp thừa sẽ được khấu trừ vào số thuế phải nộp của kỳ tiếp theo. Với đối tượng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có số thuế đầu vào lớn hơn số thuế đầu ra thì được khấu trừ số thuế lớn hơn vào tháng tiếp theo.

* Địa điểm nộp thuế: Cơ sở có thể trực tiếp nộp thuế vào ngân sách nhà nước (tại kho bạc nhà nước) hoặc trích từ tiền gửi ngân hàng để nộp vào ngân sách nhà nước. Đối với cá nhân (trừ đối tượng nộp thuế theo kê khai) ở xa kho bạc Nhà nước thì cơ quan thuế tổ chức thu thuế trực tiếp và nộp vào ngân sách Nhà nước. Thời điểm nộp thuế được tính từ thời điểm nộp thuế tại kho bạc hoặc tính từ ngày ngân hàng trích chuyển tiền gửi của cơ sở kinh doanh vào ngân sách Nhà nước.

* Đơn vị tiền tệ nộp thuế: Dùng Đồng Việt Nam để nộp thuế vào ngân sách Nhà nước. Nếu có doanh thu bằng Ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua, bán thực tế bình quân trên thị trường ngoại tệ.

1.4.3 Hoàn thuế GTGT

Các trường hợp hoàn thuế GTGT:

Thứ nhất, cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết trong tháng (đối với trường hợp kê khai theo tháng) hoặc trong quý (đối với trường hợp kê khai theo quý) thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo.

Thứ hai, là cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư đã đăng ký kinh doanh, đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, hoặc dự án tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư, chưa đi vào hoạt động, nếu thời gian đầu tư từ 1 năm (12 tháng) trở lên thì được hoàn thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ sử dụng cho đầu tư theo từng năm. Trường hợp, nếu số thuế GTGT lũy kế của hàng hoá, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT.

Thứ ba, hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư mới. Trường hợp cơ sở kinh doanh đang hoạt động thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư mới (trừ dự án đầu tư xây dựng nhà để bán) cùng tỉnh, thành phố, đang trong giai đoạn đầu tư thì cơ sở kinh doanh thực hiện kê khai riêng đối với dự án đầu tư và phải kết chuyển thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư để bù trừ với việc kê khai thuế GTGT của hoạt động sản xuất kinh doanh đang thực hiện.

Thứ tư, đối tượng được hoàn thuế GTGT là cơ sở kinh doanh trong tháng (đối với trường hợp kê khai theo tháng), quý (đối với trường hợp kê khai theo quý) có hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu nếu thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu chưa được khấu trừ từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế GTGT theo tháng, quý; trường hợp trong tháng, quý số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu chưa được khấu trừ chưa đủ 300 triệu đồng thì được khấu trừ vào tháng, quý tiếp theo.

Thứ năm, cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế GTGT khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động có số thuế GTGT nộp thừa hoặc số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết.

Thứ sáu, hoàn thuế GTGT đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) không hoàn lại hoặc viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo

Thứ bảy, đối tượng được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao theo quy định của pháp luật về ưu đãi miễn trừ ngoại giao mua hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam để sử dụng được hoàn số thuế GTGT đã trả ghi trên hoá đơn GTGT hoặc trên chứng từ thanh toán ghi giá thanh toán đã có thuế GTGT.

Thứ tám, là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang hộ chiếu hoặc giấy tờ nhập cảnh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp được hoàn thuế đối với hàng hóa mua tại Việt Nam mang theo người khi xuất cảnh. **Thứ**

chín, cơ sở kinh doanh có quyết định xử lý hoàn thuế của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và trường hợp hoàn thuế GTGT theo điều ước quốc tế mà CHXHCN Việt Nam là thành viên.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI CÔNG TY TNHH AN THÁI

2.1 Khái quát chung về Công ty TNHH An Thái

2.1.1 Quá trình hình thành

Ngày 01/08/2003, Công ty TNHH AN THÁI được thành lập với tên Công ty là CÔNG TY TNHH AN THÁI, tên nước ngoài là AN THAI COMPANY LIMITED viết tắt là AN THAI CO.,LTD. Có trụ sở chính tại số 64/266 Trần Nguyên Hãn, Phường Niệm Nghĩa, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

Mã số thuế: 0200558962

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện(máy phát điện, động cơ điện, dây điện, thiết bị khác dùng trong mạch điện) .
- Sản xuất giàn giáo
- Lắp đặt hệ thống điện
- Gia công cơ khí, xử lý, tráng phủ kim loại
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, bán buôn thiết bị ngành nước
- Bán buôn đồ dùng khác trong gia đình. Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn, bộ đèn điện,....

Công ty là một pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, mở tài khoản tại Ngân hàng và có con dấu riêng để hoạt động. Giám đốc Công ty tự chịu trách nhiệm trước pháp luật: về các nội dung trong hồ sơ đăng ký kinh doanh của Công ty; về việc sử dụng các Giấy phép, Giấy chứng nhận, các giấy tờ khác và con dấu của Công ty trong giao dịch; về việc góp vốn cổ phần quản lý, sử dụng và theo dõi vốn, tài sản của Công ty.

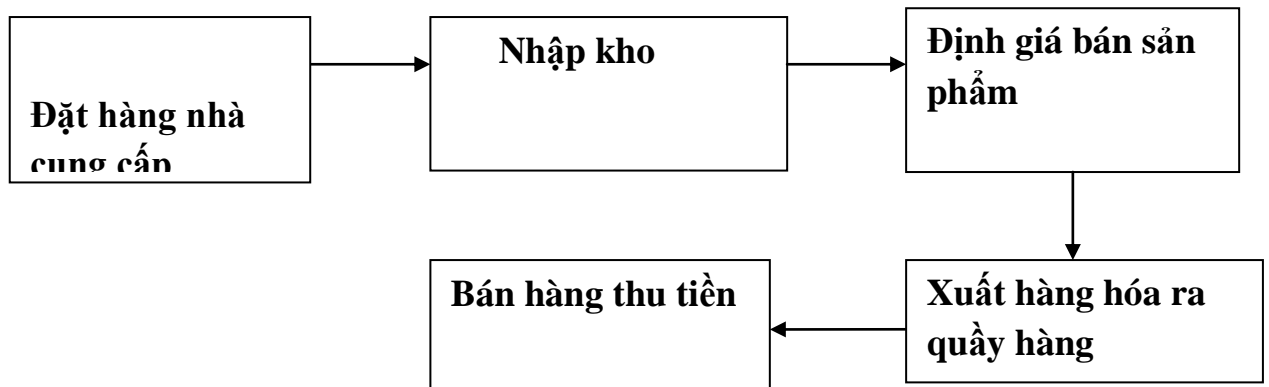
Công ty có quyền tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả kinh doanh và cam kết của mình với người lao động, với các khách hàng của Công ty tại từng thời điểm được thể hiện sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh

Công ty nhập các mặt hàng phục vụ cung cấp các thiết bị điện dân dụng cho các gia đình tự do lựa chọn sản phẩm Nano, Panasonic, Syno, Enyo, Philips, Vanlock,

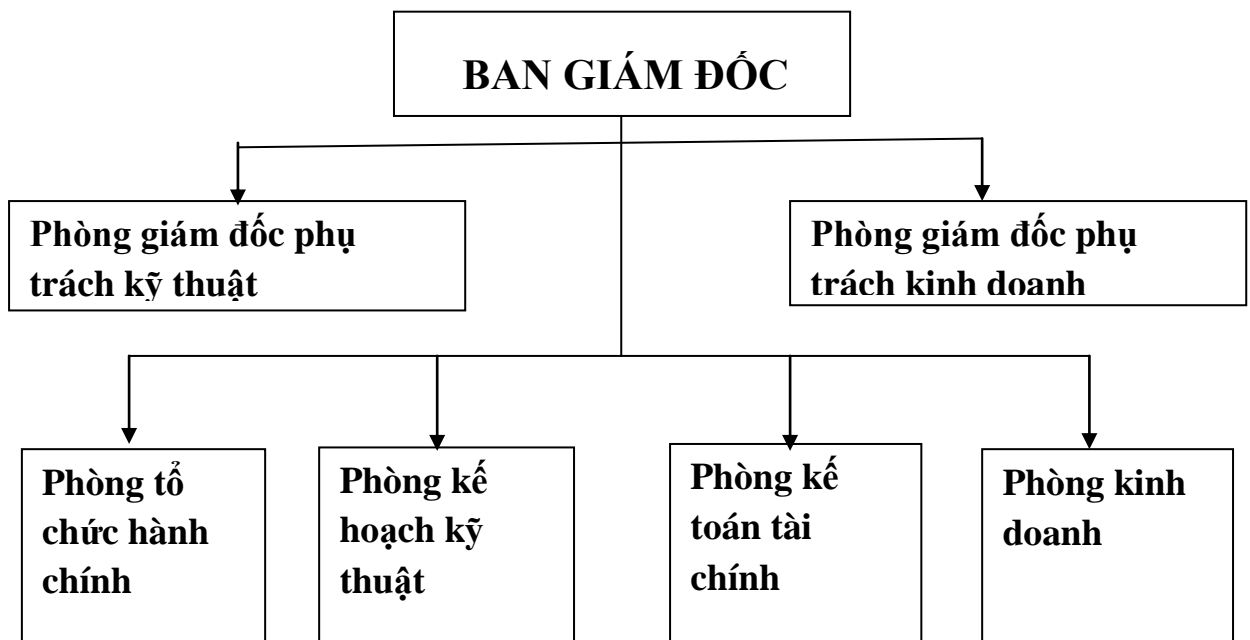
Mitsubishi.... của các nhà phân phối. Nhân viên nhập hàng kiểm nhận nhập kho. Sau đó khi bán hàng qua quầy theo hóa đơn chứng từ dưới sự giám sát của thủ kho và kế toán bán hàng của Công ty. Nhân viên quầy có trách nhiệm sắp xếp hàng hóa gọn, sạch sẽ phục vụ khách hàng. Việc bán các sản phẩm và định giá bán theo tỷ lệ chiết khấu quy định. Thủ kho giao hàng cho nhân viên vận chuyển hàng trong khu vực trung tâm thành phố sẽ được miễn chi phí vận chuyển hàng

Sơ đồ Quy trình kinh doanh



2.1.3 Tình hình tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty



Qua sơ đồ trên ta có một vài nhận xét như sau:

Bộ máy quản lý của công ty có kết cấu rất chặt chẽ, các phòng ban hoạt động nhịp nhàng ăn ý với nhau, cùng hỗ trợ cho nhau hoạt động và cùng hướng tới mục đích

cuối cùng là Công ty phát triển ngày càng tốt hơn, sau đây là nhiệm vụ của từng phòng ban:

Ban giám đốc: Quản lý chung về mọi mặt hoạt động của Công ty, làm nhiệm vụ giám sát điều hành tất cả các phòng ban hoạt động có hiệu quả và góp phần làm phát triển doanh nghiệp đưa doanh nghiệp ngày càng đi lên.

Phó giám đốc phụ trách kỹ thuật: Đảm bảo tất cả các yêu cầu về kỹ thuật trong toàn Công ty, có tính nhanh nhạy, sớm tiếp xúc với công nghệ tiên tiến từ đó làm cho doanh nghiệp ngày càng lớn mạnh về khoa học kỹ thuật .

Phó giám đốc phụ trách kinh doanh: Có nhiệm vụ thu thập, tìm hiểu nghiên cứu các yếu tố liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, tìm nguồn vốn đầu vào hợp lý và đầu ra thuận lợi đảm bảo cho lợi nhuận doanh nghiệp thu về là lớn nhất.

Phòng tổ chức hành chính: Phụ trách quản lý thay giám đốc về mặt quân số công nhân viên chức trong công ty, tình hình biến đổi lao động, tình hình sử dụng lao động và các chế độ khác liên quan đến nhân viên toàn công ty.

Phòng kế hoạch kỹ thuật: Làm công tác kế hoạch về kinh doanh, tiêu thụ, chi phí...cho doanh nghiệp giúp việc kinh doanh dễ dàng và thuận lợi hơn.

Phòng kế toán tài chính: Có thể nói là phòng ban có nhiệm vụ quan trọng nhất trong doanh nghiệp, phòng này có chức năng hạch toán tất cả các số liệu có liên quan đến việc kinh doanh và phát triển của công ty, kinh nghiệm và cách tính toán chính xác của phòng kế toán sẽ là cơ sở để tính toán các khoản trong công ty: Chi phí, lợi nhuận, doanh thu...

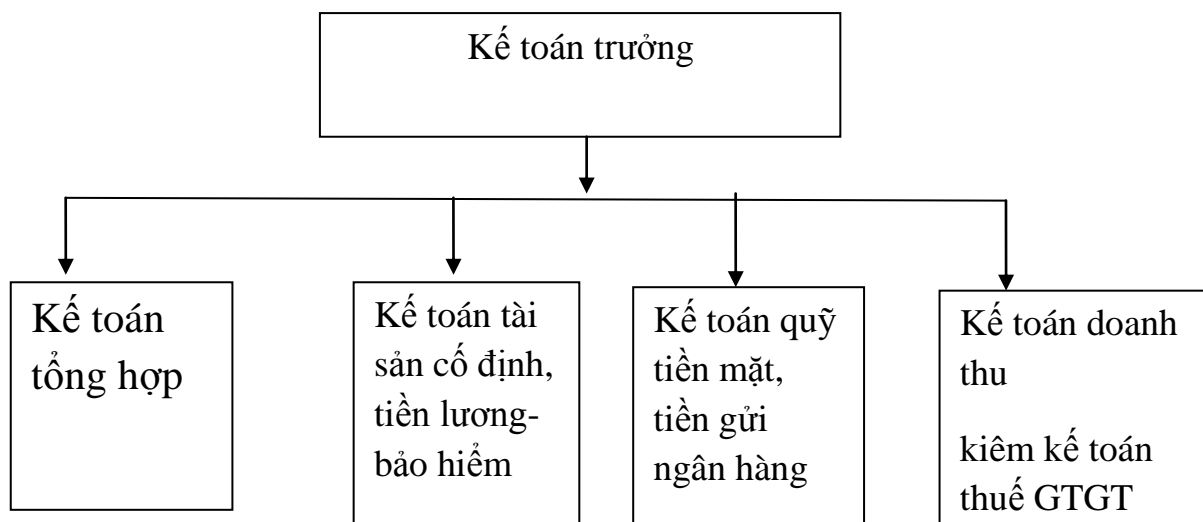
Phòng kinh doanh: Tìm hiểu, thu thập thông tin kinh tế, thị trường; tìm các nguồn hàng phục vụ sản xuất kinh doanh trong Công ty. Đề xuất các chiến lược kinh doanh trong từng giai đoạn. Tổ chức quản lý việc quản lý hàng hoá, tiêu thụ sản phẩm;

2.1.4 Tổ chức công tác kế toán của Công ty TNHH An Thái

2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán có quan hệ mật thiết với tình hình tổ chức công tác kế toán trong công ty. Xuất phát từ yêu cầu tổ chức sản xuất yêu cầu quản lý và trình độ quản lý Công ty tổ chức bộ máy kế toán hoạt động theo mô hình: Kế toán tập trung. Tức là toàn bộ công tác kế toán của Công ty được tiến hành tập trung tại 1 phòng ban chuyên môn là phòng kế toán trung tâm.

Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty



Nhiệm vụ của từng kế toán:

* Kế toán trưởng .

- Chịu trách nhiệm trực tiếp trước giám đốc công ty về các công việc thuộc phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của Kế toán trưởng.
- Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong đơn vị kế toán;
- Tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của Luật Kế toán và phù hợp với hoạt động của công ty;
- Lập Báo cáo tài chính.

* Kế toán tổng hợp

- Tập hợp các số liệu từ kế toán chi tiết tiến hành hạch toán tổng hợp, lập các báo biểu kế toán, thống kê, tổng hợp theo quy định của nhà nước và Công ty.
- Kiểm tra, tổng hợp báo cáo bảo đảm tính chính xác, kịp thời phục vụ cho công tác phân tích tình hình hoạt động kinh doanh toàn Công ty.
- Kiểm tra, kiểm soát, giám sát, việc chấp hành các quy định ghi chép sổ sách, chứng từ quản lý tiền hàng.
 - Kiểm tra nội dung, số liệu, định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hằng ngày, để phát hiện và hiệu chỉnh kịp thời các sai sót (nếu có) về nghiệp vụ hạch toán, đảm bảo số liệu chính xác, kịp thời.
 - Lập, in các báo cáo tổng hợp, báo cáo chi tiết các tài khoản, bảng cân đối tài khoản, báo cáo cân đối tiền hàng theo đúng quy định.
 - Hướng dẫn nghiệp vụ cho các phần hành kế toán của công ty trong công tác xử lý số liệu, hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh để thực hiện tốt phần hành kế

toán được phân công. Kiểm tra, hiệu chỉnh nghiệp vụ cho các kế toán viên nắm rõ cách thức hạch toán đối với các phát sinh mới về nghiệp vụ hạch toán kế toán.

- Cung cấp các số liệu kế toán, thống kê cho Kế toán trưởng và Ban Giám Đốc khi được yêu cầu.

- Thay mặt kế toán trưởng khi kế toán trưởng vắng mặt giải quyết, điều hành hoạt động của Phòng tài chính kế toán sau đó báo cáo lại Kế toán trưởng các công việc đã giải quyết hoặc được ủy quyền giải quyết.

- Thực hiện công tác lưu trữ số liệu, sổ sách, báo cáo liên quan đến phần hành phụ trách đảm bảo an toàn, bảo mật.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Kế toán trưởng phân công.

*** Kế toán quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.**

- Theo dõi quá trình thu chi về quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

- Nộp kịp thời các kết quả nghiệp vụ được phân công cho kế toán tổng hợp.

- Báo cáo cho trưởng phòng để xác nhận kết quả công việc được phân công...

*** Kế toán tài sản cố định, tiền lương- bảo hiểm.**

- Theo dõi quy trình tăng giảm tài sản cố định, các thủ tục kiểm kê thanh lý, đánh giá lại tài sản cố định...

- Nộp kịp thời các kết quả nghiệp vụ được phân công cho kế toán tổng hợp.

- Báo cáo kết quả kiểm kê tài sản cố định theo định kỳ.

- Giao nộp kịp thời các kết quả nghiệp vụ được phân công...

- Tổ chức ghi chép, phản ánh kịp thời, đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về số lượng và chất lượng lao động, tình hình sử dụng thời gian lao động và kết quả lao động .

- Tính toán chính xác, kịp thời, đúng chính sách chế độ về các khoản tiền lương, tiền thưởng, các khoản trợ cấp phải trả cho người lao động.

- Thực hiện việc kiểm tra tình hình chấp hành các chính sách, chế độ về lao động tiền lương, bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT) và kinh phí công đoàn (KPCĐ). Kiểm tra tình hình sử dụng quỹ tiền lương, quỹ BHXH, BHYT, KPCĐ.

- Tính toán và phân bổ chính xác, đúng đối tượng các khoản tiền lương, khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh

- Lập báo cáo về lao động, tiền lương , BHXH, BHYT, KPCĐ thuộc phạm vi trách nhiệm của kế toán. Tổ chức phân tích tình hình sử dụng lao động, quỹ tiền lương, quỹ BHXH, BHYT, KPCĐ.

*** Kế toán doanh thu kiêm kế toán thuế GTGT**

Có nhiệm vụ tổ chức theo dõi phản ánh đầy đủ kịp thời từng loại sản phẩm trên các mặt hiện vật và giá trị theo dõi quá trình tiêu thụ sản phẩm và theo dõi kế toán thuế TK 133, 333 khai và theo dõi thuế VAT và cuối cùng là cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán tổng hợp.

2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp

- Niên độ kế toán được tính từ 01/01 đến 31/12
- Đơn vị sử dụng trong ghi chép sổ kế toán: VNĐ
- Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung
- Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên
- Phương pháp tính thuế GTGT : Phương pháp khấu trừ
- Tính giá xuất kho theo phương pháp nhập trước- xuất trước.

2.1.4.3. Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản tại Công ty

Tổ chức vận dụng chứng từ kế toán

Việc sử dụng chứng từ kế toán được Công ty TNHH An Thái tuân thủ theo quy định của hệ thống chứng từ kế toán Việt Nam được ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính

Tổ chức vận dụng tài khoản kế toán

Việc sử dụng tài khoản kế toán được Công ty TNHH An Thái tuân thủ theo quy định của hệ thống tài khoản kế toán Việt Nam được ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính

2.1.4.4. Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty TNHH An Thái

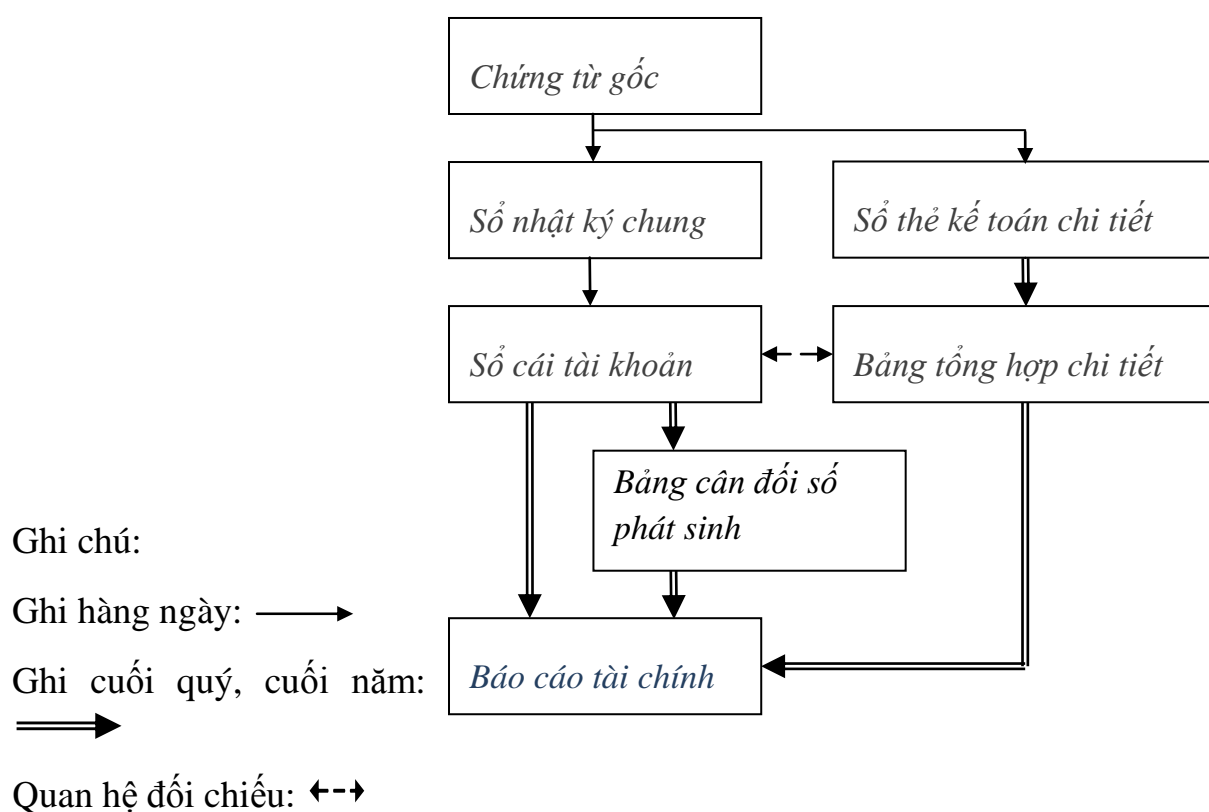
Công ty TNHH AN THÁI đang sử dụng hình thức kế toán là: Nhật ký chung

Trình tự ghi sổ:

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc được làm căn cứ ghi sổ. Đầu tiên kế toán ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào nhật ký chung đồng thời ghi vào sổ thẻ kế toán chi tiết sau đó căn cứ vào số liệu trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản cho phù hợp. Cuối tháng căn cứ vào sổ thẻ kế toán chi tiết, kế toán tổng hợp vào bảng tổng hợp chi tiết.

Cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên Sổ Cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đúng khớp, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ kế toán chi tiết) được dùng làm báo cáo tài chính.

Sau đây là trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung:



2.1.4.5. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán

Báo cáo tài chính được lập theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán dùng để tổng hợp và thuyết minh về tình hình kinh tế, tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp(*Bộ Tài Chính – 2009*) [2].

Báo cáo tài chính của năm được lập và nộp cho các cơ quan quản lý Nhà nước chậm nhất là 31/03 của năm sau.

Các báo cáo tài chính của công ty TNHH AN THÁI do kế toán trưởng lập, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký và đóng dấu. Hệ thống báo cáo của công ty bao gồm:

- | | | |
|----|--------------------------------------|-----------------|
| 1. | Bảng Cân đối kế toán | - Mẫu số B01-DN |
| 2. | Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh | - Mẫu số B02-DN |
| 3. | Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ | - Mẫu số B03-DN |
| 4. | Bản Thuyết minh báo cáo tài chính | - Mẫu số B09-DN |

2.2. Thực trạng công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty TNHH An Thái

2.2.1. Các mức thuế suất thuế GTGT áp dụng tại Công ty TNHH An Thái

1. Công ty TNHH An Thái tính thuế GTGT với hàng hóa mua vào: Căn cứ vào các hóa đơn GTGT đầu vào mà Công ty có những mức thuế suất thuế GTGT là khác

nhau. Dựa vào thuế GTGT đầu vào để xác định thuế GTGT đầu vào được khấu trừ. Mức thuế suất có thể là 0%, 5%, 10%

2. Công ty TNHH An Thái áp dụng thuế suất đối với các mặt hàng bán ra là:

+ Các hàng hóa bán ra: Vật tư, thiết bị điện, bán giáo, tủ điện.... là 10%

+ Các hàng hóa bán ra vào khu chế xuất, gia công hàng xuất khẩu là 0%

2.2.2. Kế toán tổng hợp thuế giá trị gia tăng tại công ty TNHH An Thái

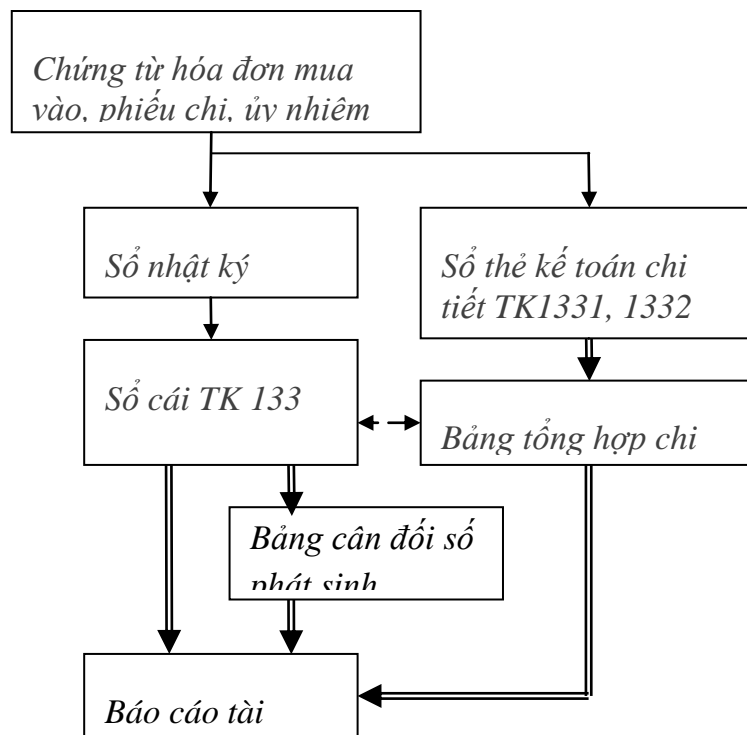
2.2.2.1. Kế toán thuế giá trị gia tăng đầu vào

Chứng từ sử dụng: Chứng từ sử dụng kế toán thuế GTGT đầu vào là Hóa đơn GTGT đầu vào mẫu số 01/GTKT3-001, Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT

Tài khoản sử dụng

Công ty TNHH An Thái sử dụng TK 133 để theo dõi thuế GTGT đầu vào và được mở 2 TK cấp 2 là: TK 1331, TK 1332.

Quy trình hạch toán



*** Trình tự ghi sổ kế toán thuế GTGT đầu vào**

Căn cứ vào các chứng từ gốc là hóa đơn GTGT mua vào, phiếu chi, ủy nhiệm chi được làm căn cứ ghi sổ. Đầu tiên kế toán ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào nhật ký chung đồng thời ghi vào sổ thẻ kế toán chi tiết TK 1331, 1332. Sau đó căn

cứ vào số liệu trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản 133 và các tài khoản liên quan. Cuối quý căn cứ vào sổ thẻ kế toán chi tiết TK 133, kế toán tổng hợp vào bảng tổng hợp chi tiết TK 133.

Cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên Sổ Cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đúng khớp, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ kế toán chi tiết) được dùng làm báo cáo tài chính.

Ví dụ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

1. Ngày 5/10/2013 mua hàng hóa nhập kho trị giá 16.545.452đ (chưa VAT), trả bằng tiền mặt cho công ty TNHH Sơn Hưng

Căn cứ vào hóa đơn mua hàng GTGT số 0000363, phiếu chi và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi vào sổ sách theo định khoản sau:

Nợ TK 156: 16.545.542

Nợ TK 133(1): 1.654.548

Có TK 111: 18.200.000

Từ bút toán trên kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung. Đồng thời kế toán ghi sổ chi tiết TK 1331. Từ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 133 và sổ cái TK 156, 111. Cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh kế toán lập báo cáo tài chính

2. Ngày 30/12/2013 mua ô tô cũ trị giá 220.000.000đ (chưa VAT) trả bằng chuyển khoản, doanh nghiệp đã nhận được giấy báo nợ của ngân hàng
Căn cứ vào hóa đơn mua hàng GTGT số 0000852, ủy nhiệm chi và các chứng từ có liên quan kế toán ghi vào sổ sách theo định khoản sau: Nợ TK 211:
220.000.000

Nợ TK 133(2): 22.000.000

Có TK 112: 242.000.000

Từ bút toán trên kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung. Đồng thời kế toán ghi sổ chi tiết TK 1332. Từ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 133 và sổ cái TK 211, 112. Cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh kế toán lập báo cáo tài chính

3. Ngày 20/12/2013 nhận được tờ khai điện tử hải quan số HQ1347 ngày 20/12/2013 nhập khẩu cáp từ bên Trung Quốc.

Căn cứ vào tờ khai HQ1347 ngày 20/12/2013, phiếu chi số PC20/12, và các chứng từ có liên quan kế toán ghi vào sổ sách theo định khoản sau, Giá mua:

Nợ TK 156(1): 455.048.315

Có TK 331: 413.680.286

Có TK 333(3): 41.368.029

Thuế GTGT đầu ra hàng nhập khẩu

Nợ TK 133(1): 45.504.832

Có TK 333(12): 45.504.832

Từ bút toán trên kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung. Đồng thời kế toán ghi sổ chi tiết TK 1331 và chi tiết TK 156... Từ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 133 và sổ cái các TK liên quan. Cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh kế toán lập báo cáo tài chính

Hóa đơn GTGT số 0000363(Nguồn trích: phòng kế toán Cty TNHH An Thái) [3]

HÓA ĐƠN

Mẫu số: 01GTKT3/001

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Kí hiệu hóa đơn: AB/13P

Liên 2: Giao khách hàng

Số hóa đơn: 0000363

Ngày 05 tháng 10 năm 2013

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Sơn Hưng

Mã số thuế: 0200817046

Địa chỉ: Số 725 Trần Tất Văn, Tổ 1- Khu DC số 4 - P.Tràng Minh, Q.Kiến An- HP

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH AN THÁI

Mã số thuế:

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 0 | 2 | 0 | 0 | 5 | 5 | 8 | 9 | 6 | 2 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

Địa chỉ: Số 64/266 Trần Nguyên Hãn, P.Niệm Nghĩa, Q.Lê Chân , Hải Phòng

Hình thức thanh toán: Tiền mặt Số tài khoản: Số 14530899 tại NH ACB Chi nhánh Hải Phòng

| Số TT | Tên hàng hóa, dịch vụ | ĐV tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---------------------------|-----------------------|-----------------|----------|-----------|-------------|
| A | B | C | 1 | 2 | $3 = 2 * 1$ |
| 1 | Bình nước nóng 20L | Bình | 07 | 2.363.636 | 16.545.452 |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 16.545.452 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | Tiền thuế GTGT: | | 1.654.548 | |
| Tổng cộng tiền thanh toán | | | | | 18.200.000 |

Số tiền viết bằng chữ: Mười tám triệu, hai trăm nghìn đồng chẵn.

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Hóa đơn GTGT 0000852(Nguồn trích: phòng kế toán Cty TNHH An Thái) [3]

HÓA ĐƠN

Mẫu số: 01GTKT3/001

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Kí hiệu hóa đơn: AK/13P

Liên 2: Giao khách hàng

Số hóa đơn: 0000852

Ngày 30 tháng 12 năm 2013

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH ĐẠI HỮU

Mã số thuế: 0200793733

Địa chỉ: Thôn Kiến Phong - Đồng Thái - An Dương - Hải Phòng

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH AN THÁI

Mã số thuế:

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 0 | 2 | 0 | 0 | 5 | 5 | 8 | 9 | 6 | 2 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

Địa chỉ: Số 64/266 Trần Nguyên Hãn, P.Niệm Nghĩa, Q.Lê Chân , Hải Phòng

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số tài khoản: 14530899 tại NH ACB
Chi nhánh Hải Phòng

| Số TT | Tên hàng hóa, dịch vụ | ĐV tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---------------------------|-------------------------|-----------------|----------|-------------|-------------|
| A | B | C | 1 | 2 | $3 = 2 * 1$ |
| 1 | Mua ô tô cũ hiệu Toyota | chiếc | 01 | 220.000.000 | 220.000.000 |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 220.000.000 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | Tiền thuế GTGT: | | 22.000.000 | |
| Tổng cộng tiền thanh toán | | | | | 242.000.000 |

Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm bốn mươi hai triệu đồng chẵn

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị


(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tờ khai hải quan điện tử NK(Nguồn trích:phòng kế toán Cty TNHH An Thái)[3]

| HẢI QUAN VIỆT NAM | | TỜ KHAI HẢI QUAN ĐIỆN TỬ | | |  | | | |
|---|---|--|-------------|---|---|--|-----------------------|-----------------------|
| Cục Hải quan: Chi cục HQ TP Hải Phòng | | Nhập khẩu | | | HQ/2012 - NK | | | |
| Chi cục Hải quan đăng ký tờ khai: Chi cục HQ Cửa khẩu Cảng Đình Vũ Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập: Cảng Hải Phòng | | Số tham chiếu: 68914 Ngày, giờ gửi: 20/12/2013 10:16:00 | | Số tờ khai: 1347 Ngày, giờ đăng ký: 20/12/2013 10:11:16 Số lượng phụ lục tờ khai: 0 | | Công chức đăng ký tờ khai Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử Hải quan | | |
| 1. Người xuất khẩu: ZHENGZHOU HONGLIANG CABLE CO., LTD NO.11 ZHENGSAO ROAD, ZENGZHOU CITY, HENAN, CHINA MST | | 5. Loại hình: NKD01 Nhập kinh doanh | | | | | | |
| 2. Người nhập khẩu: Công ty TNHH An Thái Số 64/266 Trần Nguyễn Hân, Lê Chân, HP MST | | 6. Hóa đơn thương mại: HLF1204 14/12/2013 | | 7. Giấy phép số: Ngày Ngày hết hạn | | 8. Hợp đồng: HFL1204 Ngày: 01/12/2013 Ngày hết hạn | | |
| 3. Người uỷ thác/Người được uỷ quyền: MST | | 9. Vận đơn (số/ngày): AP1401B00 14/01/2014 | | 10. Cảng xếp hàng: SHANGHAI PORT | | 11. Cảng dỡ hàng: C007 Cảng Hải Phòng | | |
| 4. Đại lý hải quan MST | | 12. Phương tiện vận tải: Đường biển Ngày đến 19/12/2013 Tên, số hiệu: SITC ÓSAKA V.1402S | | 13. Nước xuất khẩu: Chi na | | 14. Điều kiện giao hàng: FOB | | |
| | | 15. Phương thức thanh toán: TT | | 16. Đồng tiền thanh toán: USD | | 17. Tỷ giá tính thuế: 21,036 | | |
| Số TT | 18. Mô tả hàng hóa | 19. Mã số hàng hóa | 20. Xuất xứ | 21. Chế độ ưu đãi | 22. Lượng hàng | 23. Đơn vị tính | 24. Đơn giá nguyên tệ | 25. Trị giá nguyên tệ |
| 1 | Cáp dẫn điện cho cầu giàn cách điện bằng cao su, loại 6 lõi bằng đồng(3*185+3*31.66mm2) điện áp 0.6-1kv, hiệu HONGLIANG, hàng mới 100% | 85444949 | China | | 243 | met | 80,51144 | 19.564,9992 |
| Loại thuế | | Trị giá tính thuế/Số lượng chịu thuế | | Thuế suất (%) | | Tiền thuế | | |
| 26. Thuế nhập khẩu | | 413.680.286/243 | | 10 | | 41.368.029 | | |
| 27. Thuế TTĐB | | | | | | | | |
| 28. Thuế BVMT | | | | | | | | |
| 29. Thuế GTGT | | 455.048.315/243 | | 10 | | 45.504.832 | | |
| 30. Tổng số tiền thuế (ô 26+27+28+29): 86,872,861 VNĐ Bằng chữ: <i>Tám mươi sáu triệu, tám trăm bảy mươi hai nghìn, tám trăm, sáu mươi một nghìn đồng chẵn</i> | | | | | | | | |
| 31. Lượng hàng, số hiệu container | | | | | | | | |
| Số TT | a. Số hiệu container | b. Số lượng kiện trong container | | c. Trọng lượng hàng trong container | | d. Địa điểm đóng hàng | | |
| 1 | TCKU298042/SÍT928929 | | | 2.391kg/2.191kg | | SHANGHAI, CHINA | | |
| | | | | Cộng: 2.391kg/2.191kg | | | | |
| 32. Chứng từ đi kèm | | 33. Tôi xin cam đoan, chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai trên tờ khai Ngày tháng năm | | | | | | |

Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH AN THÁI
Số 64/266 Trần Nguyễn Hãn- Lê Chân - HP

Mẫu số S03a-DN Ban hành theo QĐ
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của
Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2013

Đơn vị tính: đồng

| NT ghi số | CHỨNG TỪ | | DIỄN GIẢI | SHTK đổi ứng | SỐ PHÁT SINH | |
|--------------|----------------|--------------|---|--|-----------------------------------|--|
| | SH | NT | | | NỢ | CÓ |
| A | B | C | D | H | 1 | 2 |
| | | | | | | |
| 4/10 | PC04/10 | 4/10 | Mua HH Công ty CP kim loại Ngô Quyền | 156 1331 111 | 15.856.364 1.585.636 | 17.442.000 |
| 5/10 | PC05/10 | 5/10 | Mua hàng của Công ty TNHH Sơn Hưng | 156 1331 111 | 16.545.542 1.654.548 | 18.200.000 |
| 5/10 | HĐ13607 | 5/10 | Mua HH của Cty CP TBD Nano- Phước Thạnh | 156 1331 331 | 2.873.674 287.367 | 3.161.041 |
| 15/10 | HĐ56 | 15/10 | Mua hàng Công ty TNHH TM Tâm Phúc Hưng | 211 1332 331 | 133.280.000 13.328.000 | 146.608.000 |
| 20/12 | HQ1347 | 14/12 | Nhập khẩu cáp | 156 331 3333 1331 33312 | 455.048.315 45.504.832 | 411.368.029 41.368.029 45.504.832 |
| 20/12 | PC20/12 | 20/12 | Nộp thuế GTGT hàng nhập khẩu | 33312 111 | 45.504.832 | 45.504.832 |
| 20/12 | HĐ32 | 20/12 | Mua của Cty TNHH kỹ thương Duy Hưng | 156 1331 331 | 351.027.264 35.102.726 | 386.129.990 |
| | | | | | | |
| 31/12 | UNC3112 | 30/12 | Mua ô tô cũ của Công ty TNHH Đại Hữu | 211 1332 112 | 220.000.000 22.000.000 | 242.000.000 |
| | | | | | | |
| 31/12 | PKT320 | 31/12 | K/c thuế GTGT quý IV/2013 | 3331 133 | 569.566.511 | 569.566.511 |
| | | | Cộng số phát sinh | | 175.152.330.143 | 175.152.330.143 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

KT trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH An Thái) [3]

Sổ cái TK 133 (trích quý IV/2013)

Đơn vị: Công ty TNHH AN THÁI
Số 64/266 Trần Nguyễn Hãn- Lê Chân - HP

Mẫu số S03b-DN Ban hành theo
QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006
của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên TK: Thuế GTGT được khấu trừ
Số hiệu tài khoản: 133
Năm 2013

Đơn vị tính : đồng

| NT ghi sổ | Chứng từ | | DIỄN GIẢI | SH TK đối ứng | SỐ TIỀN | |
|--------------|----------------|--------------|---|---------------|---------------------------|--------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | H | 1 | 2 |
| | | | | | | |
| | | | <u>SĐDK đầu quý IV</u> | | <u>323.543.795</u> | |
| | | | | | | |
| 4/10 | PC04/10 | 4/10 | Mua HH Công ty CP kim loại Ngô Quyền | 111 | 1.585.636 | |
| 5/10 | PC05/10 | 5/10 | Mua hàng của Công ty TNHH Sơn Hưng | 111 | 1.654.548 | |
| 5/10 | HĐ13607 | 5/10 | Mua HH của Cty CP TBĐ Nano- Phước Thạnh | 331 | 287.367 | |
| | | | | | | |
| 15/10 | HĐ56 | 15/10 | Mua hàng Công ty TNHH TM Tâm Phúc Hưng | 331 | 13.328.000 | |
| | | | | | | |
| 20/12 | HQ1347 | 20/12 | Nhập khẩu cáp điện | 33312 | 45.504.832 | |
| 20/12 | HĐ32 | 20/12 | Mua của Cty TNHH kỹ thương Duy Hưng | 331 | 35.102.726 | |
| | | | | | | |
| 31/12 | UNC3112 | 31/12 | Mua ô tô cũ của Công ty TNHH Đại Hữu | 112 | 22.000.000 | |
| | | | | | | |
| 31/12 | PKT320 | 31/12 | Kết chuyển thuế GTGT quý IV | 3331 | | 569.566.511 |
| | | | Cộng số phát sinh quý IV | | 631.597.239 | 569.566.511 |
| | | | <u>SDCK cuối quý IV</u> | | <u>385.574.523</u> | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu

KT trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH An Thái) [3]

Sổ chi tiết TK 1331(trích Quý IV/2013)

Đơn vị: Công ty TNHH AN THÁI
Số 64/266 Trần Nguyễn Hãn- Lê Chân - HP

Mẫu số S38-DN Ban hành theo
QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006
của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 1331

Đối tượng: Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ
Năm 2013

Đơn vị tính: đồng

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | TK đối ứng | Số phát sinh | |
|---------------------------------|---------------|--------------|---|--------------|---------------------------|--------------------|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 |
| | | | | | | |
| | | | Số dư đầu quý IV | | <u>323.543.795</u> | |
| | | | | | | |
| 4/10 | HĐ440 | 4/10 | Mua HH Công ty CP kim loại Ngô Quyền | 111 | 1.585.636 | |
| 5/10 | HĐ363 | 5/10 | Mua hàng của Công ty TNHH Sơn Hưng | 111 | 1.654.548 | |
| 5/10 | HĐ13607 | 5/10 | Mua HH của Cty CP TĐ Nano- Phước Thạnh | 331 | 287.367 | |
| | | | | | | |
| 20/12 | HQ1347 | 20/12 | Nhập khẩu cáp điện | 33312 | 45.504.832 | |
| 20/12 | HĐ32 | 20/12 | Mua của Cty TNHH kỹ thương Duy Hưng | 331 | 35.102.726 | |
| | | | | | | |
| 31/12 | PKT320 | 31/12 | Kết chuyển thuế GTGT | 3331 | | 509.835.891 |
| Cộng số phát sinh quý IV | | | | | 571.866.619 | 509.835.891 |
| Số dư cuối quý IV | | | | | <u>385.574.523</u> | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

KT trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH An Thái) [3]

Sổ chi tiết TK 1332 (Trích Quý IV/2013)

Đơn vị: Công ty TNHH AN THÁI
Số 64/266 Trần Nguyễn Hãn- Lê Chân - HP

Mẫu số S38-DN Ban hành theo QĐ
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của
Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 1332

Đối tượng: Thuế GTGT được khấu trừ của tài sản cố định
Năm 2013

Đơn vị tính: đồng

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | TK đối ứng | Số phát sinh | |
|---------------------------------|--------------|--------------|---|------------|-------------------|-------------------|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 |
| | | | | | | |
| | | | Số dư đầu quý IV | | <u>0</u> | |
| | | | | | | |
| 15/10 | HĐ56 | 15/10 | Mua hàng Công ty TNHH TM Tâm Phúc Hưng | 331 | 13.328.000 | |
| | | | | | | |
| 31/12 | HĐ852 | 31/12 | Mua ô tô cũ của Công ty TNHH Đại Hữu | 112 | 22.000.000 | |
| | | | | | | |
| 31/12 | PKT320 | 31/12 | Kết chuyển thuế GTGT | 3331 | | 59.730.620 |
| Cộng số phát sinh quý IV | | | | | 59.730.620 | 59.730.620 |
| Số dư cuối quý IV | | | | | <u>0</u> | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

KT trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH An Thái) [3]

2.2.2.2. Kế toán thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp

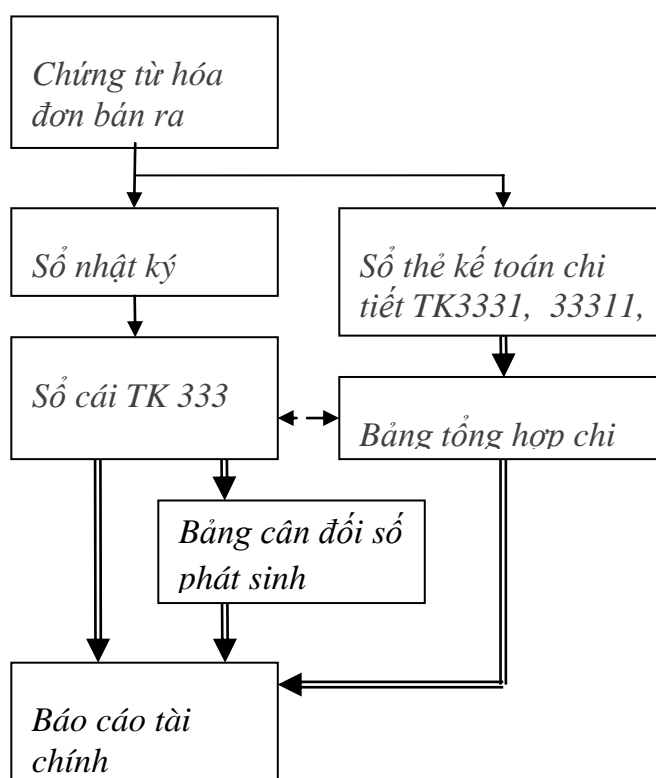
Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT mẫu số 01/GTKT3-001
- Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra mẫu số 02/GTGT
- Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT

. Tài khoản sử dụng

Công ty TNHH An Thái sử dụng TK 3331 để theo dõi thuế GTGT đầu ra và mở 2 TK cấp 3 là: TK 33311, TK 33312

. Quy trình hạch toán



*** Trình tự ghi sổ**

Căn cứ từ chứng từ gốc là hóa đơn GTGT hoặc bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra, phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng. Đầu tiên kế toán ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào nhật ký chung đồng thời ghi vào sổ thẻ kế toán chi tiết TK 33311, 33312. Sau đó căn cứ vào số liệu trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản 3331 và các tài khoản liên quan. Cuối quý căn cứ vào sổ thẻ kế toán chi tiết, kế toán tổng hợp vào bảng tổng hợp chi tiết.

Cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên Sổ Cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi

đã kiểm tra đúng khớp, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ kế toán chi tiết) được dùng làm báo cáo tài chính.

Ví dụ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

1. Ngày 16/10/2013 xuất bán hàng cho Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại Hoàng Trang trị giá 16.221.540đ (chưa VAT) thu bằng tiền mặt.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000533, phiếu thu và các chứng từ có liên quan kế toán ghi vào sổ sách theo định khoản sau

Nợ TK 111: 17.843.694

Có TK 511: 16.221.540

Có TK 333(1): 1.622.154

Từ bút toán trên, kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung. Đồng thời kế toán ghi sổ chi tiết TK 333(1), sổ chi tiết TK 511. Từ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 333 và sổ cái TK 111, 511. Cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh, bảng tổng hợp chi tiết kế toán lập báo cáo tài chính.

2. Ngày 13/11/2013 xuất bán hàng hóa cho Công ty TNHH Showa DenkoRare-Earth Việt Nam tại khu chế xuất chưa thu tiền

Do Công ty bán hàng vào khu chế xuất nên số thuế GTGT bán ra là 0%

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000642, tờ khai hải quan điện tử xuất khẩu và các chứng từ có liên quan kế toán ghi vào sổ sách theo định khoản sau :

Nợ TK 131: 528.738.000

Có TK 511: 528.738.000

Từ bút toán trên, kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung. Từ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 131, 511, 632, 156. Cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh, bảng tổng hợp chi tiết kế toán lập báo cáo tài chính.

Hóa đơn GTGT số 0000533(Nguồn trích: phòng kế toán Cty TNHH An Thái) [3]



HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01GTKT3/001

Kí hiệu hóa đơn: AA/13P

Liên 3: Nội bộ

Số hóa đơn: 0000533

Ngày 16 tháng 10 năm 2013

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH AN THÁI

Mã số thuế: 0200558962

Địa chỉ: Số 64/266 Trần Nguyên Hãn, P.Niệm Nghĩa, Q.Lê Chân , Hải Phòng

Điện thoại: 0313.718918 Fax:0313.718878

Số tài khoản: 14530899 tại NH ACB Chi nhánh Hải Phòng

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Hoàng Trang

Mã số thuế:

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 0 | 2 | 0 | 1 | 1 | 3 | 0 | 4 | 8 | 9 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

Địa chỉ: Số 9B/ 106 Lương Khánh Thiện - Hải Phòng

Hình thức thanh toán: Tiền mặt Số tài khoản:.....

| Số TT | Tên hàng hóa, dịch vụ | ĐV tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---------------------------|-----------------------|---------|----------|---------|--------------------------|
| A | B | C | 1 | 2 | 3 =2*1 |
| 1 | Attomat 2P 50-63A | Cái | 2 | 275.545 | 551.090 |
| 2 | Dây điện 1*1.5 | M | 4000 | 3.890 | 15.560.000 |
| 3 | Mặt 4,5,6 lỗ công tắc | Cái | 10 | 11.045 | 110.450 |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 16.221.540 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | | | | Tiền thuế GTGT 1.622.154 |
| Tổng cộng tiền thanh toán | | | | | 17.843.694 |

Số tiền viết bằng chữ: Mười bảy triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn, sáu trăm chín tư đồng chẵn.

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)



HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01GTKT3/001

Kí hiệu hóa đơn: AA/13P

Liên 3: Nội bộ

Số hóa đơn: 0000642

Ngày 13 tháng 11 năm 2013

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH AN THÁI

Mã số thuế: 0200558962

Địa chỉ: Số 64/266 Trần Nguyên Hãn, P.Niệm Nghĩa, Q.Lê Chân, Hải Phòng

Điện thoại: 0313.718918 Fax: 0313.718878

Số tài khoản: 14530899 tại NH ACB Chi nhánh Hải Phòng

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH Showa DenkoRare- Earth Việt Nam

Mã số thuế:

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 0 | 7 | 0 | 0 | 2 | 6 | 2 | 4 | 5 | 9 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|

Địa chỉ: Lô C1, KCN Đồng Văn II, Duy Tiên, Hà Nam

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Số tài khoản:.....

| Số TT | Tên hàng hóa, dịch vụ | ĐV tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---------------------------|--|----------------|----------|---------|------------------|
| A | B | C | 1 | 2 | 3 = 2*1 |
| | Xuất bán hàng hóa kèm tờ khai điện tử hải quan xuất khẩu | | | | : 528.738.000 |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 528.738.000 |
| Thuế suất GTGT: 0% | | Tiền thuế GTGT | | | |
| Tổng cộng tiền thanh toán | | | | | 528.738.000 |

Số tiền viết bằng chữ: Năm trăm hai mươi tám triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn đồng chẵn


Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tờ khai hải quan điện tử XK(Nguồn trích:phòng kế toán CtyTNHH An Thái) [3]

| | | | | | | | |
|--|------------------------------------|--|--|--|-----------------|------------------------------------|-----------------------|
| HẢI QUAN VIỆT NAM | | TỜ KHAI HẢI QUAN ĐIỆN TỬ | |  | | | |
| Cục Hải quan: Chi cục HQ tỉnh Thanh Hóa | | Xuất khẩu | | HO/2012-XK | | | |
| Chi cục Hải quan đăng ký tờ khai: Chi cục HQ Hà Nam Chi cục Hải quan cửa khẩu xuất: Xuất nhập khẩu tại chỗ | | Số tham chiếu: 246320 Ngày, giờ gửi: 13/11/2013 | Số tờ khai: 573 Ngày, giờ đăng ký: 13/11/2013 18:27:00 Số lượng phụ lục tờ khai: 0 | Công chức đăng ký tờ khai | | | |
| 1. Người xuất khẩu: Công ty TNHH An Thái Số 64/266 Trần Nguyễn Hân, Lê Chân, Hải Phòng MST 0200558962 | | 5. Loại hình: XGC08 hàng trong nội địa bán trong khu chế xuất 6. Giấy nháp: Ngày Ngày hết hạn | | 7. Hợp đồng: 09/2013-AT/HN Ngày Ngày hết hạn | | | |
| 2. Người nhập khẩu: Công ty TNHH Showa Denko Rare-Earth Việt Nam Lô C1, KCN Đồng Văn II, Duy Tiên, Hà Nam MST 0700262459 | | 8. Hóa đơn thương mại: AT20131008 08/11/2013 | | 9. Cửa khẩu xuất hàng: V001 Xuất nhập tại chỗ | | | |
| 3. Người uỷ thác/Người được uỷ quyền: MST | | 10. Nước nhập khẩu: VN Việt Nam | | 11. Điều kiện giao hàng: DDU | | | |
| 4. Đại lý hải quan MST | | 13. Đồng tiền thanh toán: VNĐ | | 12. Phương thức thanh toán: TTR 14. Tỷ giá tính thuế: 1 | | | |
| Số TT | 15. Mô tả hàng hóa | 16. Mã số hàng hóa | 17. Xuất xứ | 18. Lượng hàng | 19. Đơn vị tính | 20. Đơn giá nguyên tệ | 21. Trị giá nguyên tệ |
| 1 | Bộ giao máy SG 1250 của máy li tâm | 82089000 | China | 3 | Cái | 138.800.000 | 416.400.000 |
| 2 | Máy lọc SG 1000 của máy li tâm | 84219190 | China | 6 | Cái | 7.900.000 | 47.400.000 |
| 3 | Quạt công nghiệp | 84145941 | Việt Nam | 15 | Cái | 1.856.000 | 27.840.000 |
| 4 | Máy làm mát di động | 84158291 | Việt Nam | 2 | Cái | 18.549.000 | 37.098.000 |
| Cộng: | | | | | | | 528.738.000 |
| Số TT | 22. Thuế xuất khẩu | | | 23. Thu khác | | | |
| | a. Trị giá tính thuế | b. Thuế suất (%) | c. Tiền thuế | a. Trị giá tính thu khác | b. Tỷ lệ (%) | c. Số tiền | |
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| Cộng: | | | | | | | |
| 24. Tổng số tiền thuế và thu khác (ô 22+23) bằng số: Bằng chữ: | | | | | | | |
| 25. Lượng hàng, số hiệu container | | | | | | | |
| Số TT | a. Số hiệu container | b. Số lượng kiện trong container | | c. Trọng lượng hàng trong container | | d. Địa điểm đóng hàng | |
| 1 | | | | | | | |
| Cộng: | | | | | | | |
| 26. Chứng từ đi kèm | | | | 27. Tôi xin cam đoan, chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai trên tờ khai Ngày tháng năm (người khai ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu) | | | |
| 28. Kết quả phân luồng và hướng dẫn thủ tục hải quan Luồng XANH 29. Ghi chép khác: Hàng mới | | | | 30. Xác nhận thông quan | | 31. Xác nhận của hải quan giám sát | |

Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH AN THÁI
Số 64/266 Trần Nguyễn Hãn - Lê Chân - HP

Mẫu số S03a-DN Ban hành theo
QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006
của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2013

Đơn vị tính: đồng

| NT ghi số | CHỨNG TỪ | | DIỄN GIẢI | SHTK đổi ứng | SỐ PHÁT SINH | |
|--------------|----------------|--------------|---|-----------------------------|------------------------|---------------------------------|
| | SH | NT | | | NỢ | CÓ |
| A | B | C | D | H | 1 | 2 |
| | | | | | | |
| 15/10 | HĐ532 | 15/10 | Bán hàng cho Công ty CP TM XD 5 HP | 131 511 3331 | 19.805.000 | 17.350.000 1.735.000 |
| 16/10 | PT16/10 | 16/10 | Bán hàng cho Công ty CP đầu tư và TM Hoàng Trang | 111 511 3331 | 17.843.694 | 16.221.540 1.622.154 |
| 16/10 | PT17/10 | 16/10 | Bán hàng cho Cty TNHH TM và XD Sơn Trang | 111 511 3331 | 18.369.824 | 16.699.840 1.699.984 |
| | | | | | | |
| 11/11 | HĐ731 | 11/11 | Bán hàng cho Công ty TNHH Crystal Sweater Việt Nam | 131 511 | 132.986.700 | 132.986.700 |
| | | | | | | |
| 13/11 | HĐ642 | 13/11 | Xuất bán hàng hóa vào khu chế xuất | 131 511 | 528.738.000 | 528.738.000 |
| 14/11 | PT21/11 | 14/11 | Bán hàng cho Công ty TNHH TM và DV Phong Châu | 111 511 3331 | 19.648.970 | 17.862.700 1.786.270 |
| | | | | | | |
| 31/12 | PKT320 | 31/12 | Kết chuyển thuế GTGT | 3331 133 | 569.566.511 | 569.566.511 |
| | | | | | | |
| | | | Cộng số phát sinh | | 175.152.330.143 | 175.152.330.143 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu

KT trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH An Thái) [3]

Sổ cái TK 333 (trích Quý IV/2013)

Đơn vị: Công ty TNHH AN THÁI
Số 64/266 Trần Nguyễn Hãn- Lê Chân - HF

Mẫu số S03b-DN Ban hành theo QĐ
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của
Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Số hiệu: 333

Năm 2013

Đơn vị tính : đồng

| NT ghi số | Chứng từ | | DIỄN GIẢI | TK đối ứng | SỐ TIỀN | |
|--------------|----------------|--------------|---|---------------|----------------------|--------------------------|
| | SH | NT | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | H | 1 | 2 |
| | | | | | | |
| | | | <u>SDDK đầu quý IV</u> | | | <u>5.125.000</u> |
| | | | | | | |
| 5/10 | HQ0199 | 5/10 | Nhập nhâu biên tần đổi nguồn | 1331 | | 49.197.622 |
| 7/10 | PC14/10 | 7/10 | Nộp thuế GTGT hàng nhập khẩu | 111 | 49.197.622 | |
| | | | | | | |
| 15/10 | HD532 | 15/10 | Bán hàng cho Công ty CP TM XD 5 HP | 131 | | 1.735.000 |
| 16/10 | PT16/10 | 16/10 | Bán hàng cho Công ty CP đầu tư và TM Hoàng Trang | 111 | | 1,622.540 |
| 16/10 | PT17/10 | 16/10 | Bán hàng cho Cty TNHH TM và XD Sơn Trang | 111 | | 1.699.984 |
| | | | | | | |
| 14/11 | PT21/11 | 14/11 | Bán hàng cho Công ty TNHH TM và DV Phong Châu | 111 | | 1.786.270 |
| | | | | | | |
| 20/12 | HQ1347 | 20/12 | Nhập khẩu cáp điện | 1331 | | 45.504.832 |
| 20/12 | PC20/12 | 20/12 | Nộp thuế GTGT hàng nhập khẩu | 111 | 45.504.832 | |
| | | | | | | |
| 31/12 | PKT320 | 31/12 | K/c thuế GTGT | 133 | 569.566.511 | |
| 31/12 | PKT511 | 31/12 | Xác định Thuế TNDN | 821 | | 11.213.000 |
| | | | Cộng số phát sinh quý IV | | 1.042.873.543 | 1.504.086.543 |
| | | | <u>SDCK cuối quý IV</u> | | | <u>16.338.000</u> |

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu

KT trưởng

Giám đốc

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH An Thái) [3]

Sổ chi tiết TK 3331(trích Quý IV/2013)

Đơn vị: Công ty TNHH AN THÁI
Số 64/266 Trần Nguyễn Hãn- Lê Chân - HP

Mẫu số S38-DN Ban hành theo QĐ
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của
Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 3331

Đối tượng: Thuế giá trị gia tăng phải nộp

Năm 2013

Đơn vị tính: đồng

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | TK đối ứng | Số phát sinh | |
|---------------------------------|----------------|--------------|---|-------------|--------------------|--------------------|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 |
| | | | | | | |
| | | | Số dư đầu quý IV | | | <u>0</u> |
| | | | | | | |
| 5/10 | HQ0199 | 5/10 | Nhập nhẫu biến tần đổi nguồn | 1331 | | 49.197.622 |
| 7/10 | PC14/10 | 7/10 | Nộp thuế GTGT hàng nhập khẩu | 111 | 49.197.622 | |
| | | | | | | |
| 15/10 | HĐ532 | 15/10 | Bán hàng cho Công ty CP TM XD 5 HP | 131 | | 1.735.000 |
| 16/10 | HĐ533 | 16/10 | Bán hàng cho Công ty CP đầu tư và TM Hoàng Trang | 111 | | 1.622.540 |
| 16/10 | HĐ534 | 16/10 | Bán hàng cho Cty TNHH TM và XD Sơn Trang | 111 | | 1.699.984 |
| | | | | | | |
| 14/11 | HĐ615 | 14/11 | Bán hàng cho Công ty TNHH TM và DV Phong Châu | 111 | | 1.786.270 |
| | | | | | | |
| 20/12 | HQ1347 | 20/12 | Nhập khẩu cáp điện | 1331 | | 45.504.832 |
| 20/12 | PC20/12 | 20/12 | Nộp thuế GTGT hàng nhập khẩu | 111 | 45.504.832 | |
| | | | | | | |
| 31/12 | PKT320 | 31/12 | Kết chuyển thuế GTGT | 133 | 569.566.511 | |
| Cộng số phát sinh quý IV | | | | | 816.441.623 | 816.441.623 |
| Số dư cuối quý IV | | | | | | <u>0</u> |

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu

KT trưởng

Giám đốc

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH An Thái) [3]

Sổ chi tiết TK 33311(trích Quý IV/2013)

Đơn vị: Công ty TNHH AN THÁI
Số 64/266 Trần Nguyễn Hãn- Lê Chân - HP

Mẫu số S38-DN Ban hành theo QĐ
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của
Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 33311

Đối tượng: Thuế giá trị gia tăng đầu ra
Năm 2013

Đơn vị tính: đồng

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | TK đối ứng | Số phát sinh | |
|---------------------------------|--------------|--------------|---|------------|--------------------|--------------------|
| | Số hiệu | Ngày, tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 |
| | | | | | | |
| | | | Số dư đầu quý IV | | | <u>0</u> |
| | | | | | | |
| 15/10 | HĐ532 | 15/10 | Bán hàng cho Công ty CP TM XD 5 HP | 131 | | 1.735.000 |
| 16/10 | HĐ533 | 16/10 | Bán hàng cho Công ty CP đầu tư và TM Hoàng Trang | 111 | | 1.622.540 |
| 16/10 | HĐ534 | 16/10 | Bán hàng cho Cty TNHH TM và XD Sơn Trang | 111 | | 1.699.984 |
| | | | | | | |
| 14/11 | HĐ615 | 14/11 | Bán hàng cho Công ty TNHH TM và DV Phong Châu | 111 | | 1.786.270 |
| | | | | | | |
| 31/12 | PKT320 | 31/12 | Kết chuyển thuế GTGT | 133 | 569.566.511 | |
| Cộng số phát sinh quý IV | | | | | 569.566.511 | 569.566.511 |
| Số dư cuối quý IV | | | | | | <u>0</u> |

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu**KT trưởng****Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH An Thái) [3]

Sổ tổng hợp chi tiết TK 333 (trích Quý IV/2013)

Đơn vị: Công ty TNHH AN THÁI

Số 64/266 Trần Nguyên Hãn- Lê Chân - HP

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 333

Đối tượng: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Năm 2013

Đơn vị tính: đồng

| STT | Đối tượng | Số hiệu TK | Dư đầu kỳ | | Số phát sinh | | Dư cuối kỳ | |
|-----|------------------------------|-------------|-----------|-------------------------|----------------------|----------------------|------------|--------------------------|
| | | | Nợ | Có | Nợ | Có | Nợ | Có |
| 1 | Thuê GTGT phải nộp | 3331 | | <u>0</u> | 816.441.623 | 816.441.623 | | <u>0</u> |
| | -Thuế GTGT đầu ra | -33311 | | <u>0</u> | 569.566.511 | 569.566.511 | | <u>0</u> |
| | - Thuế GTGT hàng nhập khẩu | -33312 | | <u>0</u> | 246.875.112 | 246.875.112 | | <u>0</u> |
| 2 | Thuê nhập khẩu | 3333 | | | 224.431.920 | 224.431.920 | | |
| 3 | Thuê thu nhập doanh nghiệp | 3334 | | 5.125.000 | | 11.213.000 | | 16.338.000 |
| 4 | Các khoản thuế phải nộp khác | 3338 | | | 2.000.000 | 2.000.000 | | |
| | Cộng | | | <u>5.125.000</u> | 1.042.873.543 | 1.504.086.543 | | <u>16.338.000</u> |

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH An Thái) [3]

2.3 kê khai thuế giá trị gia tăng tại Công ty TNHH An Thái

Công ty TNHH An Thái dùng phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Hàng quý, kế toán Công ty phải lập và gửi tờ khai thuế GTGT(Mẫu số 01/GTGT) kèm theo bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào(Mẫu số 01-1/GTGT) và bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra (Mẫu số 03/GTGT), báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn và các bảng kê khác có liên quan theo quy định. Các bảng kê hàng hóa, chứng từ được lập căn cứ vào hóa đơn, chứng từ mua bán vật tư, hàng hóa, dịch vụ, tài sản cố định trong kỳ và các chứng từ khác, các sổ có liên quan. Tờ khai thuế GTGT kỳ trước, bảng kê hóa đơn, chứng từ mua vào, bán ra và sổ kế toán có liên quan.

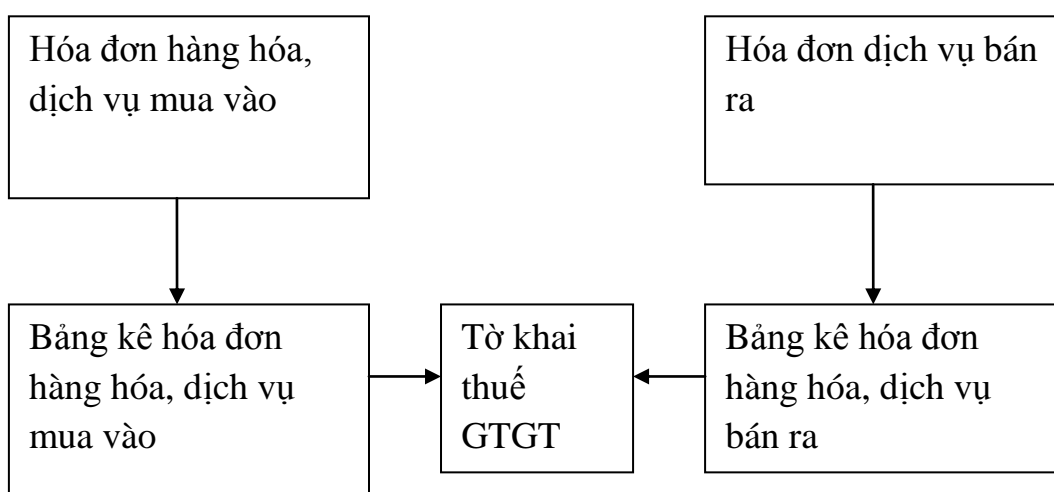
- Sau khi mua bán vật tư, hàng hóa, dịch vụ về nhập kho hoặc sử dụng cho sản xuất kinh doanh, căn cứ vào các hóa đơn GTGT khi mua hàng, kế toán lập bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào.

- Khi bán hàng ra, căn cứ vào các hóa đơn chứng từ bán ra, kế toán lập bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra.

Cuối quý kế toán lập tờ khai thuế GTGT và nộp cho cơ quan tờ khai và các bảng kê hóa đơn chứng từ dịch vụ hàng hóa mua vào, bán ra; báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn.

Hàng quý kế toán Công ty lập tờ khai thuế GTGT nộp thuế tại Tổng cục thuế Hải Phòng là cơ sở xét hoàn thuế và thanh toán thuế GTGT với Ngân sách Nhà nước.

Trình tự kê khai thuế GTGT tại Công ty TNHH An Thái có thể khái quát như sau:



Quy trình lập tờ khai thuế GTGT bằng phần mềm

Hiện nay Công ty TNHH An Thái đang sử dụng phần mềm **Hỗ trợ kê khai thuế** do Tổng cục thuế xây dựng và cung cấp phần mềm miễn phí tại trang Web của Chính phủ **gov.gdt.vn** cho các tổ chức và cá nhân có nghĩa vụ phải nộp thuế.

Phần mềm **Hỗ trợ kê khai thuế** giúp cho Công ty TNHH An Thái có thể hoàn thành các yêu cầu của Tổng cục thuế:

- + Lập tờ khai và điền thông tin trên các tờ khai thuế và các phụ lục kê khai theo đúng quy định của các văn bản pháp luật thuế

- + Các nội dung hướng dẫn việc tính thuế, kê khai thuế đối với từng sắc thuế nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp kê khai thuế đúng, chính xác, tiện lợi.

Phần mềm được xây dựng trên cơ sở công nghệ mã vạch 2 chiều mã hóa thông tin thành mã vạch sẽ kết xuất và in các tờ khai thuế có mã vạch để doanh nghiệp gửi tờ khai đó cho cơ quan thuế. Thông qua các mã vạch đã mã hóa thông tin tờ khai, cơ quan Thuế đảm bảo sẽ ghi nhận và xử lý thông tin kê khai của tổ chức cá nhân nộp thuế đầy đủ, chính xác, nhanh chóng.

Sau khi kê khai cơ sở kinh doanh cần phải in tờ khai có mã vạch 2 chiều, ký tên đóng dấu và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành.

Công ty in làm 3 bộ kê khai thuế đến Tổng cục thuế Hải Phòng, cơ quan thuế sau khi kiểm tra thông tin, sẽ giữ lại 2 bộ, bộ còn lại sẽ lưu giữ tại Công ty để phục vụ cho công tác kiểm tra sau này.

Tại thời điểm năm 2013 Công ty TNHH An Thái sử dụng phần mềm hỗ trợ kê khai thuế 3.1.7 .Nhưng với yêu cầu quản lý của cơ quan thuế, năm 2014 Công ty phải chuyển sang phần mềm 3.2.0

Sau đây là cách Công ty TNHH An Thái sử dụng phần mềm **Hỗ trợ kê khai thuế**:

Bật phần mềm, kế toán sẽ thấy giao diện màn hình như sau:



(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH An Thái) [3]

Kế toán sẽ điền mã số thuế của Công ty là 0200558962 vào phần “ Mã số thuế”. Sau đó nhấn đồng ý.

Nếu như là lần đầu tiên sử dụng phần mềm thì chọn “ Hệ thống” chọn “ Thông tin doanh nghiệp/Người nộp thuế”, kế toán phải điền đầy đủ thông tin vào các mục thông tin bắt buộc có Ký hiệu “ * ” gồm các mục:

- Người nộp thuế: “Công ty TNHH An Thái”
- Địa chỉ trụ sở: “Số 64/266 Trần Nguyên Hãn”
- Quận / Huyện: “Lê Chân”
- Tỉnh/Tp: “Hải Phòng”
- Điện thoại 0313.718918, Fax: 0313.718878
- Email: thanhanthai85@gmail.com
- Ngành nghề, số TK ngân hàng, người ký tờ khai có thể bỏ qua
- Ngày bắt đầu năm tài chính: “01/01”
- Cơ quan thuế quản lý: Cục thuế thành phố Hải Phòng

Thông tin chung về người nộp thuế

Mã số thuế: 0 2 0 0 5 8 9 6 2 -

Người nộp thuế: * Công ty TNHH An Thái

Địa chỉ trụ sở: * 64/266 Trần Nguyên Hãn

Quận/ huyện: * Lê Chân

Tỉnh/ Thành phố: * Hải Phòng

Điện thoại: 0313.718918

Fax: 0313718878

Email:

Ngành nghề kinh doanh: thiết bị điện,

Số TK ngân hàng: 14530899

Ngày bắt đầu năm tài chính (dd/mm): * 01/01

Người ký tờ khai:

Cơ quan thuế cấp Cục: * HPH - Cục Thuế TP Hải Phòng 10300

Cơ quan thuế quản lý: * Cục Thuế TP Hải Phòng 10300

Tên đơn vị chủ quản: * Thông tin đơn vị chủ quản

Mã số thuế đơn vị chủ quản: *

Thông tin đại lý:

Mã số thuế đại lý: *

Tên đại lý thuế: *

Địa chỉ trụ sở: *

Quận/ huyện: *

Tỉnh/ Thành phố: *

Điện thoại:

Ký hiệu * là bắt buộc nhập.

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH An Thái) [3]

Kích chuột vào chữ “Ghi” màn hình hiện chữ “Đã ghi dữ liệu thành công” kế toán đóng giao diện đó bằng kích vào chữ “Đóng”

Giao diện màn hình mới hiện ra như sau:



Kế toán chọn “Tờ khai thuế GTGT khấu trừ (01/GTGT)”.

Giao diện hiện ra là:



Chọn kỳ tính thuế

Tích vào Tờ khai theo quý

Chọn quý 4 năm 2013

Tờ khai lần đầu nếu lần đầu kê khai, chọn tờ khai bổ sung nếu kê khai bổ sung

Ở phần chọn phụ lục kê khai thuế sẽ chọn 2 phụ lục chính là: “PL 01-1/GTGT” và phụ lục “ PL01-2/GTGT” và “ Đồng ý”

Sử dụng phụ lục “PL 01-3/GTGT” trong trường hợp tờ khai thuế GTGT còn sai sót và cần phải điều chỉnh, bổ sung.

Nhấn đồng ý, giao diện mới sẽ là:

Nhập tờ khai

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 01/GTGT)
(Dành cho người nộp thuế khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)

Kỳ tính thuế: Quý 4 năm 2013
Lần đầu: Bổ sung lần thứ:

Mã số thuế: 0200558962
Tên người nộp thuế: Công ty TNHH An Thái
Tên đại lý thuế (nếu có):
Mã số thuế đại lý:
 Gia hạn
Trường hợp được gia hạn:

| STT | CHỈ TIÊU | GIÁ TRỊ HHDV | THUẾ GTGT |
|-----|--|--------------|-----------|
| A | Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ (đánh dấu "X") | [21] | |
| B | Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang | | [22] |
| C | Kê khai thuế GTGT phải nộp Ngân sách nhà nước | | |
| I | Hàng hoá, dịch vụ (HHDV) mua vào trong kỳ | | |
| 1 | Giá trị và thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào | [23] | 0 [24] |
| 2 | Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này | | [25] |
| II | Hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ | | |
| 1 | Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT | [26] | 0 |
| 2 | Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT ([27] = [29] + [30] + [32]; [28] = [31] + [33]) | [27] | 0 [28] |
| a | Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0% | [29] | 0 |
| b | Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5% | [30] | 0 [31] |
| c | Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10% | [32] | 0 [33] |
| 3 | Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra ([34] = [26] + [27]; [35] = [28]) | [34] | 0 [35] |
| III | Thuế GTGT phát sinh trong kỳ ([36] = [35] - [25]) | | [36] |
| IV | Điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước | | |
| 1 | Điều chỉnh giảm | | [37] |

Tờ khai / PL 01-1/GTGT / PL 01-2/GTGT

Thêm phụ lục Nhập lại Ghi In Xóa Kết xuất Đóng

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH An Thái) [3]

Ở giao diện mới ta thấy có chữ nhỏ ở phải bên trái gồm 3 mục là “Tờ khai”, “PL 01-1/GTGT”, “ PL01-2/GTGT”

Kích chuột vào “PL 01-1/GTGT” nếu như muốn kê khai hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra.

Hệ thống kê khai - Phiên bản 3.1.7

Nhập tờ khai

Tài bảng kê

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN RA

| STT | Hoá đơn, chứng từ bán | | | Tên người mua | Mã số thuế người mua | Mặt hàng | Doanh số bán chưa có thuế | Thuế GTGT |
|---|-----------------------|------------|----------------------------|---------------|----------------------|----------|---------------------------|-----------|
| | Ký hiệu hoá đơn | Số hoá đơn | Ngày, tháng, năm phát hành | | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) |
| 1. Hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT: | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | 0 | |
| Tổng | | | | | | | 0 | |
| 2. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%: | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | 0 | |
| Tổng | | | | | | | 0 | |
| 3. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%: | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | 0 | |
| Tổng | | | | | | | 0 | |
| 4. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%: | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | 0 | |
| Tổng | | | | | | | 0 | |
| 5. Hàng hóa, dịch vụ không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT: | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | 0 | |
| Tổng | | | | | | | 0 | |

Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra :

Tổng thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra :

Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT :

Tờ khai PL 01-1/GTGT / PL 01-2/GTGT

Bấm F5 - Thêm dòng
Bấm F6 - Xóa dòng

Thêm phụ lục Nhập lại Ghi In Xóa Kết xuất Đóng

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH An Thái) [3]

Kê khai các hóa đơn, chứng từ bán ra ở mục này

+ Hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT

+ Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%

+ Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%

+ Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%

+ Hàng hóa, dịch vụ không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT

Bảng kê hóa đơn dịch vụ bán ra của Công ty TNHH An Thái Quý IV năm 2013

Tải bảng kê

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN RA

| STT | Hoá đơn, chứng từ bán | | | Tên người mua | Mã số thuế người mua | Mặt hàng | Doanh số bán chưa có thuế | Thuế GTGT |
|-------------|-----------------------|------------|----------------------------|---------------|----------------------|----------|---------------------------|-----------|
| | Ký hiệu hoá đơn | Số hoá đơn | Ngày, tháng, năm phát hành | | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) |
| 1 | | | | | | | 0 | 0 |
| Tổng | | | | | | | 0 | 0 |

4. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%:

| | | | | | | | | |
|----|--------|---------|------------|---------------------------------|------------|------------------------------|-------------|------------|
| 1 | AA/13P | 0000526 | 04/10/2013 | Công ty cổ phần thương mại x | 0200375711 | Tủ điện, Công tắc 2 cực, ổ đ | 7.826.000 | 782.600 |
| 2 | AA/13P | 0000527 | 04/10/2013 | Công ty CP TM kỹ thuật điện & | 0200805097 | ống luồn ... | 8.230.000 | 823.000 |
| 3 | AA/13P | 0000528 | 04/10/2013 | DNTN-XN TM DV Huyền Linh | 5700363872 | Cáp điện | 59.354.350 | 5.935.435 |
| 4 | AA/13P | 0000529 | 04/10/2013 | Công ty cổ phần khu công ngh | 0200116717 | Khung giáo, ống nối | 7.576.080 | 757.608 |
| 5 | AA/13P | 0000530 | 07/10/2013 | XN XD số 2 - Công ty xây d | 0200157375 | Đèn | 13.734.000 | 1.373.400 |
| 6 | AA/13P | 0000531 | 15/10/2013 | Công ty TNHH Crystal Sweate | 0201288677 | Man kềm ren, Man ren ngoài, | 5.676.000 | 567.600 |
| 7 | AA/13P | 0000532 | 15/10/2013 | Công ty cổ phần thương mại x | 0200375711 | Đèn túyp, Quạt trần ... | 17.350.000 | 1.735.000 |
| 8 | AA/13P | 0000533 | 16/10/2013 | Công ty Cổ phần đầu tư và th | 0201130489 | Attomat, dây điện, mặt..... | 16.221.540 | 1.622.154 |
| 9 | AA/13P | 0000534 | 16/10/2013 | Công ty TNHH thương mại và | 0200669101 | Cầu dao.... | 16.699.840 | 1.669.984 |
| 10 | AA/13P | 0000535 | 16/10/2013 | Công ty TNHH TM & DV Dương | 0200733332 | Ổ cắm 6D | 2.224.710 | 222.471 |
| 11 | AA/13P | 0000536 | 17/10/2013 | Công ty TNHH thương mại và | 0200669101 | Bình nước, Bảng dính điện | 9.749.088 | 974.909 |
| 12 | AA/13P | 0000537 | 17/10/2013 | Công ty CP lắp đặt thiết bị tầ | 0200933010 | Dây điện, Đèn túyp.... | 13.670.000 | 1.367.000 |
| 13 | AA/13P | 0000538 | 17/10/2013 | Công ty cổ phần thiết bị điện t | 0106220118 | Tủ điện... | 67.833.200 | 6.783.320 |
| 14 | AA/13P | 0000539 | 19/10/2013 | Công ty cổ phần thương mại x | 0200375711 | Đèn túyp, Quạt trần, Bảng d | 9.948.000 | 994.800 |
| 15 | AA/13P | 0000540 | 19/10/2013 | Công ty CP lắp đặt thiết bị tầ | 0200933010 | Bóng compact, Bồn inox | 10.350.000 | 1.035.000 |
| 16 | AA/13P | 0000541 | 19/10/2013 | Công ty TNHH Sơn Hưng | 0200817046 | Đế âm đơn, ống luồn dây, ... | 243.637.000 | 24.363.700 |
| 17 | AA/13P | 0000542 | 19/10/2013 | Công ty CP Công nghệ Hưng | 0201080196 | Cáp đồng trục 5CFB, Dây đi | 17.746.000 | 1.774.600 |

Tờ khai PL 01-1/GTGT / PL 01-2/GTGT

| | | | | | | | | |
|-------------|--------|---------|------------|------------------------------|------------|------------------------------|----------------------|--------------------|
| 150 | AA/13P | 0000690 | 30/12/2013 | Công ty CP Công nghệ Hưng | 0201080196 | ống luồn đet.... | 1.195.260 | 119.526 |
| 151 | AA/13P | 0000691 | 30/12/2013 | Công ty CP đầu tư XD và TM | 0201060312 | Attomat chống giặt | 17.063.304 | 1.706.330 |
| 152 | AA/13P | 0000692 | 30/12/2013 | Công ty TNHH SX TM XLD chi | 0306042455 | Cáp điện | 17.945.280 | 1.794.528 |
| 153 | AA/13P | 0000693 | 31/12/2013 | Công ty CP Bimexco 1 | 0201197444 | Cho thuê giáo | 50.234.990 | 5.023.499 |
| 154 | AA/13P | 0000694 | 31/12/2013 | Công ty CP Cảng dịch vụ đầu | 0200754420 | Bộ điều khiển nhiệt độ và độ | 5.000.000 | 500.000 |
| 155 | AA/13P | 0000695 | 31/12/2013 | Công ty cổ phần cơ điện NNC | 0201284753 | Cho thuê giáo | 2.561.600 | 256.160 |
| 156 | AA/13P | 0000697 | 31/12/2013 | Cục Thống kê thành phố Hải P | | Cáp điện 4 x 25, Bảng dính đ | 5.556.360 | 555.640 |
| 157 | AA/13P | 0000698 | 31/12/2013 | Công ty TNHH cuộc sống số | 0201122833 | Dây điện thoại 2x0,5, Cáp đ | 11.782.200 | 1.178.220 |
| 158 | AA/13P | 0000699 | 31/12/2013 | Công ty TNHH xây dựng và T | 0200664745 | Bóng, Đèn trần ... | 12.789.078 | 1.278.908 |
| 159 | AA/13P | 0000702 | 31/12/2013 | Công ty TNHH công nghệ Phư | 0201258217 | Hộp nối, ống luồn, Đế âm,... | 6.826.933 | 682.693 |
| 160 | AA/13P | 0000703 | 31/12/2013 | Công ty CP xây lắp & TM Phú | 0201158653 | Cáp mạng,... | 3.972.643 | 397.264 |
| Tổng | | | | | | | 5.695.667.295 | 569.566.511 |

5. Hàng hóa, dịch vụ không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT:

| | | | | | | | | |
|-------------|--|--|--|--|--|--|----------|----------|
| 1 | | | | | | | 0 | 0 |
| Tổng | | | | | | | 0 | 0 |

Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra : **6.774.405.295**
 Tổng thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra : **569.566.511**
 Tổng doanh thu hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT : **6.774.405.295**

Tờ khai PL 01-1/GTGT / PL 01-2/GTGT

Bấm F5 - Thêm dòng
 Bấm F6 - Xóa dòng

Thêm phụ lục Nhập lại Ghi In Xóa Kết xuất Đóng

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH An Thái) [3]

Kích chuột vào “PL 01-2/GTGT” để kê khai hóa đơn chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào

Hệ trợ kê khai - Phiên bản 3.1.7

Nhập tờ khai

Tải bảng kê

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA VÀO

| STT | Hoá đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế | | | Tên người bán | Mã số thuế người bán | Mặt hàng | Giá trị HHĐV mua vào chưa có thuế | Thuế suất (%) | Thuế GTGT |
|--|--------------------------------------|------------|----------------------------|---------------|----------------------|----------|-----------------------------------|---------------|-----------|
| | Ký hiệu hoá đơn | Số hoá đơn | Ngày, tháng, năm phát hành | | | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) |
| 1. Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT đủ điều kiện khấu trừ thuế: | | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | 0 | 0 | 0 |
| Tổng | | | | | | | 0 | 0 | 0 |
| 2. Hàng hoá, dịch vụ không đủ điều kiện khấu trừ: | | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | 0 | 0 | 0 |
| Tổng | | | | | | | 0 | 0 | 0 |
| 3. Hàng hoá, dịch vụ dùng chung cho SXKD chịu thuế và không chịu thuế đủ điều kiện khấu trừ thuế: | | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | 0 | 0 | 0 |
| Tổng | | | | | | | 0 | 0 | 0 |
| 4. Hàng hóa, dịch vụ dùng cho dự án đầu tư đủ điều kiện được khấu trừ thuế: | | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | 0 | 0 | 0 |
| Tổng | | | | | | | 0 | 0 | 0 |
| 5. Hàng hóa, dịch vụ không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT: | | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | 0 | 0 | 0 |
| Tổng | | | | | | | 0 | 0 | 0 |

Tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào:

Tổng thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào:

Tờ khai / PL 01-1/GTGT / PL 01-2/GTGT

Bấm F5 - Thêm dòng
Bấm F6 - Xóa dòng

Thêm phụ lục Nhập lại Ghi In Xóa Kết xuất Đóng

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH An Thái) [3]

Kế toán kê khai như bên kê khai hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào.

+ Hóa đơn, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT và sử dụng cho các hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ không kê khai, nộp thuế GTGT đủ điều kiện nộp thuế => các hóa đơn được khấu trừ thuế GTGT đầu vào

+ Hàng hóa, dịch vụ không đủ điều kiện khấu trừ thuế => không được khấu trừ thuế

Bảng kê hóa đơn dịch vụ mua vào của Công ty TNHH An Thái Quý IV năm 2013

Tài bảng kê

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA VÀO

| STT | Hoá đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế | | | Tên người bán | Mã số thuế người bán | Mặt hàng | Giá trị HHDV mua vào chưa có thuế | Thuế suất (%) | Thuế GTGT |
|-----|--------------------------------------|------------|----------------------------|---------------|----------------------|----------|-----------------------------------|---------------|-----------|
| | Ký hiệu hoá đơn | Số hoá đơn | Ngày, tháng, năm phát hành | | | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) |

1. Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT đủ điều kiện khấu trừ thuế:

| | | | | | | | | | |
|----|--------|---------|------------|------------------------------------|----------------|------------------------------|-------------|----|------------|
| 1 | PT/13P | 0011019 | 24/08/2013 | Công ty CP thiết bị điện Nano - PH | 0201034009 | Bộ đèn, ống luồn | 4.475.074 | 10 | 447.507 |
| 2 | AA/13T | 5368901 | 01/10/2013 | CN Viettel HP - Tập đoàn viễn th | 0100109106 | Cước điện thoại | 183.182 | 10 | 18.318 |
| 3 | KD/12P | 0000071 | 02/10/2013 | Công ty TNHH thương mại Khang | 0201271899 | Máy tính | 7.172.727 | 10 | 717.273 |
| 4 | HT/12P | 0001089 | 02/10/2013 | DNTN khách sạn Hưng Thành | 0302025836 | Thuê phòng | 718.181 | 10 | 71.819 |
| 5 | PT/13P | 0013440 | 02/10/2013 | Công ty CP thiết bị điện Nano - PH | 0201034009 | Thiết bị điện | 21.434.484 | 10 | 2.143.448 |
| 6 | AA/13P | 0000857 | 03/10/2013 | Công ty cổ phần Anh Việt | 0200593082 | Thiết bị điện | 22.345.826 | 10 | 2.234.583 |
| 7 | AA/11P | 0000440 | 04/10/2013 | Công ty CP kim loại Ngô Quyền | 0200818258 | Đồng | 15.856.364 | 10 | 1.585.636 |
| 8 | AB/13P | 0000363 | 05/10/2013 | Công ty TNHH Sơn Hưng | 0200817046 | Bình nước nóng | 16.545.452 | 10 | 1.654.548 |
| 9 | PT/13P | 0013607 | 05/10/2013 | Công ty CP thiết bị điện Nano - PH | 0201034009 | Đèn led, Bóng LED 7W | 2.873.674 | 10 | 287.367 |
| 10 | AA/13P | 2115180 | 05/10/2013 | Viễn thông Hải Phòng | 0200287977 | Cước điện thoại | 857.122 | 10 | 85.712 |
| 11 | VG/11P | 0000097 | 07/10/2013 | Công ty TNHH TM & DV Việt Gia | 0105040465 | Cáp điện | 33.873.000 | 10 | 3.387.300 |
| 12 | AA/13P | 0000053 | 08/10/2013 | Công ty TNHH TM Tâm Phúc Hưng | 0201291158 | ống luồn, ống UPVC, cáp đồng | 32.450.000 | 10 | 3.245.000 |
| 13 | AA/11P | 0001457 | 08/10/2013 | Công ty TNHH TM Hải Đăng Quan | 0102956330 | Bóng SPL 1000 | 5.036.364 | 10 | 503.636 |
| 14 | PT/13P | 0013701 | 08/10/2013 | Công ty CP thiết bị điện Nano - PH | 0201034009 | Đèn downlight | 4.111.410 | 10 | 411.141 |
| 15 | PT/13P | 0013729 | 08/10/2013 | Công ty CP thiết bị điện Nano - PH | 0201034009 | Bộ chia khóa ngắt điện | 9.506.000 | 10 | 950.600 |
| 16 | PT/13P | 0013740 | 08/10/2013 | Công ty CP thiết bị điện Nano - PH | 0201034009 | Đèn, bóng | 8.210.270 | 10 | 821.027 |
| 17 | TD/11P | 0024631 | 08/10/2013 | CN Công ty CP dây và cáp điện TH | 0100892628-006 | Cáp điện | 23.672.600 | 10 | 2.367.260 |
| 18 | TD/13P | 0001821 | 09/10/2013 | Công ty TNHH cơ điện lạnh Trung | 0200444556 | Điều hòa Daikin FTXD 25 | 16.363.638 | 10 | 1.636.364 |
| 19 | AA/12P | 0000054 | 10/10/2013 | Công ty TNHH TM Tâm Phúc Hưng | 0201291158 | CỔng tắc, ổ cắm ... | 104.160.000 | 10 | 10.416.000 |
| 20 | PT/13P | 0013871 | 11/10/2013 | Công ty CP thiết bị điện Nano - PH | 0201034009 | Cầu dao, máng đèn | 14.756.444 | 10 | 1.475.644 |

| | | | | | | | | | |
|-------------|--------|---------|------------|------------------------------------|------------|----------------------------|----------------------|----|--------------------|
| 224 | PT/13P | 0019398 | 31/12/2013 | Công ty CP thiết bị điện Nano - PH | 0201034009 | Quạt hút âm trần không ống | 2.374.955 | 10 | 237.496 |
| 225 | PT/13P | 0019414 | 31/12/2013 | Công ty CP thiết bị điện Nano - PH | 0201034009 | Mặt 3 hàng full | 725.920 | 10 | 72.592 |
| Tổng | | | | | | | 6.244.726.348 | | 624.472.639 |

2. Hàng hoá, dịch vụ không đủ điều kiện khấu trừ:

| | | | | | | | | | |
|-------------|----------|---------|------------|-------------------------------|------------|---------------|----------------------|---|----------|
| 1 | 02AD/13P | 0011650 | 27/11/2013 | Cửa hàng Nguyễn Thị Kim Chung | 8065200139 | Thiết bị điện | 708.766.929 | 0 | 0 |
| 2 | 02AD/13P | 0011696 | 15/12/2013 | Cửa hàng Nguyễn Thị Kim Chung | 8065200139 | Thiết bị điện | 950.000.000 | 0 | 0 |
| Tổng | | | | | | | 1.658.766.929 | | 0 |

3. Hàng hoá, dịch vụ dùng chung cho SXKD chịu thuế và không chịu thuế đủ điều kiện khấu trừ thuế:

| | | | | | | | | | |
|-------------|--|--|--|--|--|--|----------|---|----------|
| 1 | | | | | | | 0 | 0 | 0 |
| Tổng | | | | | | | 0 | | 0 |

4. Hàng hóa, dịch vụ dùng cho dự án đầu tư đủ điều kiện được khấu trừ thuế:

| | | | | | | | | | |
|-------------|--|--|--|--|--|--|----------|---|----------|
| 1 | | | | | | | 0 | 0 | 0 |
| Tổng | | | | | | | 0 | | 0 |

5. Hàng hóa, dịch vụ không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT:

| | | | | | | | | | |
|-------------|--|--|--|--|--|--|----------|---|----------|
| 1 | | | | | | | 0 | 0 | 0 |
| Tổng | | | | | | | 0 | | 0 |

Tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào: **7.903.493.277**

Tổng thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào: **624.472.639**

Tờ khai / PL 01-1/GTGT / PL 01-2/GTGT

Bấm F5 - Thêm dòng

Bấm F6 - Xóa dòng

Thêm phụ lục Nhập lại Ghi In Xóa Kết xuất Đóng

(Nguồn trích: phòng kế toán công ty TNHH An Thái) [3]

Tờ khai thuế giá trị gia tăng

Hệ trợ kê khai - Phiên bản 3.1.7

Nhập tờ khai

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 01/GTGT) (Dành cho người nộp thuế khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)

Kỳ tính thuế: Quý 4 năm 2013

Lần đầu:

Bổ sung lần thứ:

Mã số thuế: 0200558962

Tên người nộp thuế: Công ty TNHH An Thái

Tên đại lý thuế (nếu có):

Mã số thuế đại lý:

Gia hạn

Trường hợp được gia hạn:

| STT | CHỈ TIÊU | GIÁ TRỊ HHDV | THUẾ GTGT |
|-----|---|--------------------------|--------------|
| A | Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ (đánh dấu "X") [21] | <input type="checkbox"/> | |
| B | Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang [22] | | 323.543.795 |
| C | Kê khai thuế GTGT phải nộp Ngân sách nhà nước | | |
| I | Hàng hoá, dịch vụ (HHDV) mua vào trong kỳ | | |
| 1 | Giá trị và thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào [23] | 7.903.493.277 [24] | 624.472.639 |
| 2 | Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này [25] | | 624.472.639 |
| II | Hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ | | |
| 1 | Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT [26] | 0 | |
| 2 | Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT ([27] = [29] + [30] + [32]; [28] = [31] + [33]) [27] | 6.774.405.295 [28] | 569.566.511 |
| a | Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0% [29] | 1.078.738.000 | |
| b | Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5% [30] | 0 [31] | 0 |
| c | Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10% [32] | 5.695.667.295 [33] | 569.566.511 |
| 3 | Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra ([34] = [26] + [27]; [35] = [28]) [34] | 6.774.405.295 [35] | 569.566.511 |
| III | Thuế GTGT phát sinh trong kỳ ([36] = [35] - [25]) [36] | | (54.906.128) |
| IV | Điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT của các kỳ trước | | |

| | | |
|-----|--|-------------|
| 1 | Điều chỉnh tăng thuế GTGT của các kỳ trước [37] | 0 |
| 2 | Điều chỉnh giảm thuế GTGT của các kỳ trước [38] | 0 |
| V | Tổng số thuế GTGT đã nộp của doanh thu kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vắng lai ngoại tỉnh [39] | 0 |
| VI | Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ: | |
| 1 | Thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ (nếu [40a] = [36] - [22] + [37] - [38] - [39] > 0) [40a] | 0 |
| 2 | Thuế GTGT mua vào của dự án đầu tư (cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) được bù trừ với thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế [40b] | 0 |
| 3 | Thuế GTGT còn phải nộp trong kỳ ([40] = [40a] - [40b]) [40] | 0 |
| 4 | Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này (nếu ([41] = [36] - [22] + [37] - [38] - [39] < 0) [41] | 378.449.923 |
| 4.1 | Thuế GTGT để nghị hoàn [42] | 0 |
| 4.2 | Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau ([43] = [41] - [42]) [43] | 378.449.923 |

Nhân viên đại lý thuế

Họ và tên

Chứng chỉ hành nghề số

Người ký: Nguyễn Xuân Thành

Ngày ký: 21/01/2014

Tờ khai / PL 01-1/GTGT / PL 01-2/GTGT

Thêm phụ lục

Nhập lại

Ghi

In

Xóa

Kết xuất

Đóng

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM KHẮC PHỤC NHỮNG TỒN TẠI TRONG CÔNG TÁC KÊ KHAI VÀ HOÀN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI CÔNG TY TNHH AN THÁI

3.1. Nhận xét chung về công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty TNHH An Thái

3.1.1. Ưu điểm.

Về tổ chức bộ máy kế toán:

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung phù hợp với nhu cầu kinh doanh và quản lý của Công ty.

- Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức thống nhất từ kế toán trưởng xuống các nhân viên kế toán. Phòng kế toán có quy chế làm việc rõ ràng, mỗi kế toán viên đều có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn riêng nhưng vẫn đảm bảo có sự chặt chẽ giữa các phân hành kế toán với nhau.

- Kế toán phản ánh nhanh chóng các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng chế độ kế toán, phục vụ tốt công tác quản lý. Kế toán thường xuyên kiểm tra các chi phí phát sinh, các nghiệp vụ bất thường cần điều chỉnh lại, đơn đốc thu hồi công nợ và cho biết các nguồn tài chính hiện tại của công ty phản ánh lên sổ sách kế toán và là nơi lưu trữ thông tin tài chính quan trọng

Về hình thức kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung” là hình thức ghi sổ kế toán phổ biến với những ưu điểm hơn cả: khoa học, dễ hiểu, dễ làm, thuận tiện, phù hợp với năng lực kế toán ở mọi trình độ, dễ phân công lao động trong phòng kế toán. Và hình thức này phù hợp với thực tế tổ chức tại Công ty

Về chứng từ, sổ sách sử dụng:

Việc sử dụng chứng từ và luân chuyển chứng từ tại Công ty cơ bản là thực hiện đúng theo quyết định số 15 ban hành ngày 26/03/2006 của Bộ tài chính ban hành. Công ty cũng thiết lập hệ thống tài khoản chuẩn do Bộ tài chính quy định và bổ sung thêm một số tài khoản chi tiết phù hợp với nghiệp vụ kinh tế phát sinh và đặc điểm của Công ty.

Hệ thống chứng từ được tập hợp theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh và được lập theo đúng biểu mẫu.

Quy trình luân chuyển chứng từ đúng và hợp lý góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho việc hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chính xác hơn

Về công tác tổ chức kế toán Thuế giá trị gia tăng tại Công ty:

- Công ty thực hiện đầy đủ hệ thống chứng từ kế toán về thuế GTGT như: Hoá đơn bán hàng (GTGT), bảng kê hoá đơn chứng từ của hàng hoá dịch vụ mua vào, bảng kê hoá đơn chứng từ của hàng hoá dịch vụ bán ra, tờ khai Thuế GTGT, Báo Cáo sử dụng Hóa Đơn ...

- Kế toán kê khai cơ bản là chính xác các hoá đơn chứng từ của hàng hoá dịch vụ mua vào cũng như bán ra gắn với thời gian quy định.

- Công ty đã áp dụng phần mềm Hỗ trợ kê khai phiên bản mới nhất trong việc kê khai thuế, giúp cho việc kê khai tương đối thuận tiện, nhanh chóng hơn

- Kế toán Thuế luôn luôn tìm hiểu những thay đổi mới nhất của Nhà nước về Luật Thuế.

3.1.2. Hạn chế.

1. Về công tác kê khai thuế GTGT

- Bảng kê hoá đơn chứng từ hàng hoá dịch vụ mua vào quý IV/2013 có hoá đơn chứng từ của tháng 08/2013, điều này là vẫn được chấp nhận bởi theo Luật thuế hiện hành nếu chưa kê khai đầy đủ hoá đơn chứng từ để kê khai trong quý này thì có thể kê khai vào quý sau, tối đa không quá 6 tháng kể từ ngày tháng phát hành hóa đơn đó, việc kê khai hoá đơn chứng từ của tháng 08 vào bảng kê của quý IV là vẫn nằm trong thời gian quy định. Nhưng như vậy trong quý trước việc kê khai thuế vẫn còn bị bỏ sót ảnh hưởng đến việc kê khấu trừ thuế nếu hóa đơn đó không được kê khai vào quý này. Như vậy số liệu không được phản ánh kịp thời từ đó không giúp doanh nghiệp phản ánh đầy đủ và chính xác trên các khía cạnh về thuế của doanh nghiệp

- Phần kê khai thuế GTGT còn bỏ sót, thiếu làm phản ánh không kịp thời về số liệu và nếu như không được kê khai bổ sung thì ảnh hưởng đến khấu trừ thuế của doanh nghiệp. Nhìn số liệu của sổ cái TK 133 có số dư cuối kỳ là 385.574.523đ. Trong khi phần kê khai thuế thì Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển sang kỳ sau là 378.449.923đ.

- Các thông tin của Hóa đơn khi kê khai sai về tên Công ty, mã số thuế, số tiền phát sinh. Và đặc biệt, với một lượng lớn các hóa đơn hàng hóa dịch vụ mua vào, bán ra trong quý, khi kế toán kê khai thuế bằng phần mềm sẽ tự nhảy số thuế trong khi các hóa đơn có số thuế GTGT đã được làm tròn số => Làm tiền thuế

GTGT bị sai so với hóa đơn làm chênh lệch số liệu giữa sổ sách với phần kê khai. Như vậy sẽ không đối chiếu được số liệu với nhau

2. Về công tác hoàn thuế GTGT

Hàng quý Công ty có xuất khẩu các hàng hóa vào khu chế xuất vì vậy số thuế GTGT đầu vào sẽ được hoàn theo quy định. Và số thuế GTGT đầu vào của Công ty liên tục lớn hơn số thuế GTGT đầu ra. Nhưng công tác xin hoàn thuế của Công ty gần như không thực hiện dẫn đến vốn của Công ty bị nhà nước chiếm dụng, vốn lưu động của Công ty không có khả năng quay vòng.

3. Về chứng từ kế toán

Hóa đơn hàng hóa dịch vụ mua vào khi nhận hóa đơn do mua có lượng hóa đơn lớn, mua hàng ở xa nên hóa đơn nhận bằng cách chuyển phát nhanh làm nhiều khi trách nhiệm pháp lý trên hóa đơn còn thiếu như dấu của bên bán, tên người bán hàng hoặc thất lạc hóa đơn

4. Về quy định về thanh toán của Doanh nghiệp liên quan đến thuế GTGT

Có hóa đơn hàng hóa, dịch vụ mua vào có tổng giá thanh toán lớn hơn 20 triệu phải thanh toán qua ngân hàng trong khi Công ty lại thanh toán bằng tiền mặt nên ảnh hưởng đến số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

3.2 Một số biện pháp nhằm khắc phục những tồn tại trong công tác kê khai và hoàn thuế GTGT tại Công ty TNHH An Thái

Qua kiến thức được trang bị trong nhà trường và tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại Công ty đặc biệt là công tác thuế GTGT của Công ty em xin đưa ra một số ý kiến đối với kế toán thuế GTGT tại Công ty.

1. Hoàn thiện công tác kê khai thuế GTGT

- Công ty phải kiểm tra lại các phát sinh thuế đã thực hiện đầy đủ các tờ khai theo quy định chưa, cần phải soát xét số tờ khai hàng tháng, hàng quý, hàng năm... đã được thực hiện đầy đủ chưa, có bị mất mát hay không và tìm hướng xử lý.

- Rà soát các hóa đơn xuất bán, mua vào để chắc chắn không bỏ sót hóa đơn nào, nếu bỏ sót thì ngay lập tức lập hóa đơn bổ sung, kê khai nộp thuế và nộp phạt sớm nhất có thể

2. Hoàn thiện về công tác hoàn thuế GTGT

Hiện nay số thuế còn được khấu trừ của Công ty là khá lớn thường xuyên trên 300 triệu đồng vì thế Công ty cần sớm có tờ trình xin hoàn thuế để tăng vốn lưu động cho doanh nghiệp. Để đảm bảo về tính hợp pháp trước pháp luật Công ty cần làm thủ tục hoàn thuế. Sau đây là mẫu xin hoàn thuế Công ty có thể tham khảo:

BẢNG KÊ XÁC ĐỊNH SỐ THUẾ GTGT ĐỀ NGHỊ HOÀN

Kèm theo Văn bản đề nghị hoàn thuế số..... ngày.....

Cá nhân/Tổ chức đề nghị hoàn thuế:

Mã số thuế:

I. Xác định số thuế GTGT đề nghị hoàn: Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

| STT | Chỉ tiêu | Số tiền |
|-----|--|---------|
| 1 | Số thuế phát sinh đầu ra | |
| 2 | Số thuế đầu vào được khấu trừ | |
| 3 | Số thuế đã nộp | |
| 4 | Số thuế đầu vào lớn hơn số thuế đầu ra đề nghị được hoàn lại | |

II. Giải trình về việc điều chỉnh thuế GTGT đầu vào, đầu ra so với số thuế tại Tờ khai đã nộp cho cơ quan thuế (nếu có):

.....
....., ngày tháng..... năm

TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ HOÀN THUẾ

Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....thángnăm

ĐỀ NGHỊ HOÀN THUẾ/PHÍ

Kính gửi: Cục thuế/Chi cục thuế

I. Cá nhân/tổ chức đề nghị hoàn thuế/phí:

1. Tên cá nhân/tổ chức đề nghị hoàn thuế/phí:.....
2. Mã số thuế:.....
3. Quốc tịch:
4. Địa chỉ:
5. Điện thoại: Fax:..... Email:
6. Số tài khoản:..... tại Ngân hàng (Kho bạc).....
7. Nghề nghiệp/ Lĩnh vực hoạt động/Ngành nghề kinh doanh chính:

.....

II. Nội dung đề nghị hoàn thuế/phí:

1. Loại thuế/phí đề nghị hoàn:

2. Số tiền thuế/phí phải nộp:
3. Số tiền thuế/phí đã nộp (hoặc đã được khấu trừ)
4. Số tiền thuế/phí đề nghị hoàn:
5. Thời gian phát sinh số thuế/phí đề nghị hoàn:
6. Lý do đề nghị hoàn thuế/phí:
(Ghi rõ thuộc trường hợp được hoàn thuế nào và căn cứ pháp lý).
7. Cách thức hoàn thuế/phí:
- 7.1. Bù trừ sang loại thuế/phí khác: Số tiền:.....
- 7.2. Hoàn thuế/phí bằng: Tiền mặt hoặc chuyển khoản Số tiền
Vào tài khoản số:
- Chủ tài khoản: tại:

III. Tài liệu gửi kèm: (ghi rõ tên tài liệu, bản chính hay bản sao)

1.
2.

TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ HOÀN THUẾ/ PHÍ
Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)

3. Hoàn thiện về chứng từ kế toán

- Khi mua hàng qua điện thoại người lấy hóa đơn cần phải đến tận nơi mua hàng để lấy hoá đơn và phải kiểm tra đối chiếu với các hóa đơn để hóa đơn đầu vào đầy đủ trách nhiệm pháp lý. Đồng thời tránh được việc số tiền trên các liên hóa đơn không khớp nhau do bên bán làm giả hóa đơn để tránh được doanh thu và thuế GTGT đầu ra. Ngược lại khi bán hàng cho khách hàng ở xa thiếu chữ ký của người mua hàng ta cần đóng dấu “bán hàng qua điện thoại” vào hóa đơn.

- Khi lấy hóa đơn cần kiểm tra kỹ nội dung hóa đơn về tên Công ty, mã số thuế, hàng hóa,... để tránh việc kế toán kê khai thuế ở hóa đơn đó mà nội dung bị sai, đến khi cơ quan thuế kiểm tra sẽ bị loại hóa đơn đó ra không được khấu trừ thuế nữa.

4. Hoàn thiện về quy định về thanh toán liên quan đến thuế GTGT

Công ty là phải nắm bắt được cụ thể những chứng từ được sử dụng trong thanh toán không dùng tiền mặt, đặc biệt là việc quy định về tài khoản mở tại ngân hàng phải đăng ký với cơ quan thuế. Các chứng từ thanh toán theo các hình thức không phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành không đủ điều kiện để được khấu trừ, hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào từ 20 triệu đồng trở lên. Công ty cần kiểm soát việc thanh toán rõ ràng, và sẽ quy trách nhiệm cụ thể cho từng người nếu việc thanh toán các hóa đơn không được khấu trừ.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Đề tài đã hệ thống hóa được lý luận chung về kế toán thuế giá trị gia tăng trong doanh nghiệp.

Về thực tiễn, đề tài đã mô tả và phân tích được thực trạng công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty TNHH An Thái một cách khách quan, trung thực thông qua số liệu quý IV năm 2013 minh chứng cho các lập luận đưa ra. Qua quá trình thực tập được tiếp cận thực tế tại công ty, em nhận thấy công tác kế toán thuế giá trị gia tăng của công ty có một số ưu điểm và hạn chế chính sau:

- Ưu điểm:

+ Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, khá gọn nhẹ nhưng có tính hoàn thiện tương đối cao, hoạt động nề nếp với quy trình làm việc khoa học.

+ Hệ thống sổ sách, tài khoản kế toán khoa học, tuân thủ đúng chế độ kế toán ban hành theo quyết định 15/ 2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006...

- Hạn chế:

+ Công tác kê khai thuế giá trị gia tăng của công ty còn chưa đầy đủ, kịp thời

+ Công tác hoàn thuế còn chưa được chú trọng, quan tâm đúng mức

+ Một số chứng từ kế toán chưa đảm bảo theo chế độ kế toán.

+ Quy định về thanh toán chưa được thực hiện tốt.

2. Kiến nghị

Từ thực trạng nêu trên, đề tài đã đưa ra được một số giải pháp nhằm khắc phục những tồn tại trong công tác kê khai và hoàn thuế giá trị gia tăng tại công ty TNHH An Thái:

- Công tác kê khai phải đảm bảo tuyệt đối chính xác.

- Công ty nên có kế hoạch xin hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định.

- Công ty nên xây dựng quy trình luân chuyển chứng từ hợp lý để gắn trách nhiệm trong việc hoàn thiện chứng từ.

- Công ty cần có quy định chặt chẽ về thanh toán.

Các kiến nghị đề xuất đều xuất phát từ thực tế tại công ty nên có thực tế khả thi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Công ty TNHH An Thái (2013), *Sổ sách kế toán Công ty*.
4. Văn phòng Quốc hội (1997), *Luật thuế giá trị gia tăng*
5. Văn phòng Quốc hội (2008), *Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi*
6. Văn phòng Quốc hội (2013), *Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi*